HỒ SƠ NĂNG LỰC

COMPANY PROFILE

THIEN NGUYEN

THIEN NGUYEN
Thiết kế không gian - Xây giấc mơ vàng

THIẾT KẾ XÂY DỰNG THIỆN NGUYỄN

MỤC LỤC

HỒ SƠ NĂNG LỰC

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG THIỆN NGUYỄN

1 THƯ GIỚI THIỆU

2 GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

3 CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

4 CHỨNG CHỈ ĐỦ ĐIỀU KIỆN HÀNH NGHỀ BẢO QUẢN, TU BỔ, PHỤC HỒI DI TÍCH

5 THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

6 THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

7 LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN CỦA CTY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG THIỆN NGUYỄN

8 CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

9 SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY

10 THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

11 CÁC CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU ĐÃ THI CÔNG

THƯ GIỚI THIỆU

Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Thiện Nguyễn xin gửi lời cảm ơn quý khách hàng , chúc quý khách hàng An Khang – Thịnh Vượng.

Với kinh nghiệm nhiều năm chuyên sâu lĩnh vực thiết kế xây dựng công trình dân dụng; nhà công nghiệp; giao thông (cầu, đường bộ); hạ tầng kỹ thuật (cấp nước, thoát nước): Hạng III. Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, hạ tầng kỹ thuật: Hạng III. Tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, hạ tầng kỹ thuật: Hạng III. Với đội ngũ nhân viên lành nghề dưới sự giám sát của các Bộ Phận Quản Lý và Kỹ Sư Thiết Kế giàu kinh nghiệm, các công trình thiết kế và giám sát của Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Thiện Nguyễn thương hiệu THIENNGUYEN đã có mặt nhiều Dự Án lớn nhỏ của các tỉnh miền Tây Nam Bộ.

THIENNGUYEN luôn hướng tới " UY TÍN – CHẤT LƯỢNG - CHUYÊN NGHIỆP " lên hàng đầu, bao gồm cả chất lượng sản phẩm , kỹ thuật thi công và chất lượng dịch vụ sau bán hàng như bảo hành bảo dưỡng. Chính vì vậy THIENNGUYEN ngày càng được nhiều Nhà Thầu và Chủ Đầu Tư tin tưởng và lựa chọn.

Để thuận lợi hơn trong việc tìm hiểu và lựa chọn, chúng tôi xin gửi tới Quý Công Ty bản Hồ Sơ Năng Lực với đầy đủ thông tin cơ bản về Doanh nghiệp và Sản Phẩm của chúng tôi.

Rất mong Quý Công Ty xem xét và tạo điều kiện để chúng tôi được tham gia dự án với tư cách là nhà thầu chính.

Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn !

Công Ty TNHH Thiết kế Xây dựng Thiện Nguyễn

THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY

1. Thông tin về công ty:

- Tên công ty: **Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thiết Kế Xây Dựng Thiện Nguyễn**
- Thương hiệu công ty : **THIENNGUYEN**
- Trụ sở chính: 65/22/14 Đường số 5, Kp6, Phường Bình Hưng Hòa, Quận Bình Tân, Tp. HCM
- ĐT: 0374.686.988 Fax: 028.6266.1081
- Mã số thuế: 0315787260
- Email : thiennguyendeco@gmail.com
- Website : thiennguyendeco.vn
- Do ông: **Phạm Lê Nhân** làm Giám Đốc

* ***Chuyên:***

1.1. Thiết kế xây dựng Hạng III

+ Công trình dân dụng

+ Nhà công nghiệp

+ Công trình giao thông (cầu, đường bộ)

+ Hạ tầng kỹ thuật (cấp nước, thoát nước)

Công trình thiết kế của THIENNGUYEN hướng đến slogan " Thiết kế không gian – Xây giấc mơ vàng" vì vậy dự án của THIENNGUYEN luôn làm hài lòng các chủ đầu tư về thẩm mỹ kiến trúc và khai thác tối đa công năng sử dụng.

THIENNGUYEN luôn đặt tiêu chí "Uy tín – Chất lượng – Chuyên nghiệp" lên hàng

đầu.

1.2. Tư vấn giám sát công tác xây dựng

- Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Thiết Kế Xây Dựng Thiện Nguyễn hoạt động chuyên trên lĩnh vực tư vấn giám sát như : các Dự án Nhà Xưởng, Nhà Phố, Biệt Thự, Cầu Đường, Cấp Thoát Nước.

1.3. Tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình

- Công trình dân dụng
- Nhà xưởng công nghiệp
- Công trình giao thông
- Hạ tầng kỹ thuật

2. Lịch sử thành lập và phát triển của công ty:

- Năm 2019 Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Thiện Nguyễn được thành lập với vốn điều lệ năm tỷ đồng (5.000.000.000 đồng) gồm 3 thành viên góp vốn là: Ông **Phạm Lê Nhân**, Bà **Nguyễn Thị Thu Hà** và Ông **Nguyễn Văn Lâm**, tổng nhân sự khoảng 10 người và phạm vi hoạt động chính là: Thiết kế xây dựng, Tư vấn giám sát công tác xây dựng, Tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị vào công trình.
- Năm 2020 chỉ sau một năm hoạt động Công Ty đã nhanh chóng khẳng định vị trí của mình tại khu vực. Đội ngũ nhân sự của công ty cũng tăng lên đáng kể với trên 20 người cũng trong giai đoạn này, công ty đã triển khai nghiên cứu các phương án thiết kế mới và áp dụng các phần mềm hiện đại nhất trong quá trình thiết kế, các tính năng sản phẩm đáp ứng được nhu cầu chất lượng của khách hàng hiện nay.
- Năm 2021 đánh dấu một bước ngoặc quan trọng của Công ty vì đã mở rộng thêm các lĩnh vực hoạt động như đã bồi dưỡng thêm đội ngũ cán bộ Quản lý, Kỹ sư về khóa đào nghiệp vụ Tu bổ di tích và hoàn thành tốt khóa học với sự công nhận của Viện Bảo Tồn Di Tích – Bộ Văn Hóa Thể Thao Và Du Lịch.

3. Chiến lược phát triển:

Là công ty hàng đầu trong lĩnh vực Thiết kế xây dựng và Tư vấn giám sát,

chúng tôi không ngừng sáng tạo, áp dụng những phương án & phần mềm tiên tiến nhằm tạo ra những công trình hoàn mỹ, đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, đáp ứng tốt nhu cầu của khách hàng. Tận dụng cơ sở vật chất đầy đủ, hiện đại, đội ngũ Kỹ sư giàu kinh nghiệm, cùng với chiến lược phát triển năng động và lòng nhiệt huyết của các thành viên trong công ty. Chúng tôi luôn phấn đấu hết mình để xây dựng và khẳng định thương hiệu THIENNGUYEN.

Bên cạnh mục tiêu nâng cao chất lượng công trình, chúng tôi còn đầu tư nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cũng như chú trọng đến hình thức đào tạo ngắn hạn và dài hạn cho cán bộ công nhân viên công ty. Chúng tôi cũng tăng cường hợp tác với các trường Đại Học, các trung tâm đào tạo chuyên ngành để tìm kiếm những tài năng trẻ, những chuyên gia thiết kế hàng đầu phục vụ nhu cầu phát triển đa dạng lâu dài của công ty.

Ngoài việc cam kết đảm bảo chất lượng công trình của công ty với khách hàng, chúng tôi còn chính sách giá cả cạnh tranh, phù hợp với từng đối tượng khách hàng.

Đến với chúng tôi Quý Đối Tác sẽ nhận được sự tư vấn, giải đáp kỹ thuật trong thời gian ngắn nhất từ các kiến trúc sư, kỹ sư cũng như các chuyên gia giàu kinh nghiệm.

4. Sơ đồ tổ chức công ty:

Bộ máy nhân sự của Công Ty được tổ chức một cách đơn giản, khoa học giúp cho các phòng ban trong Công Ty có sự phối hợp nhịp nhàng, đảm bảo phát huy tối đa năng lực sáng tạo của mọi thành viên và tăng cường khả năng làm việc nhằm mang lại hiệu quả cao trong công việc.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY

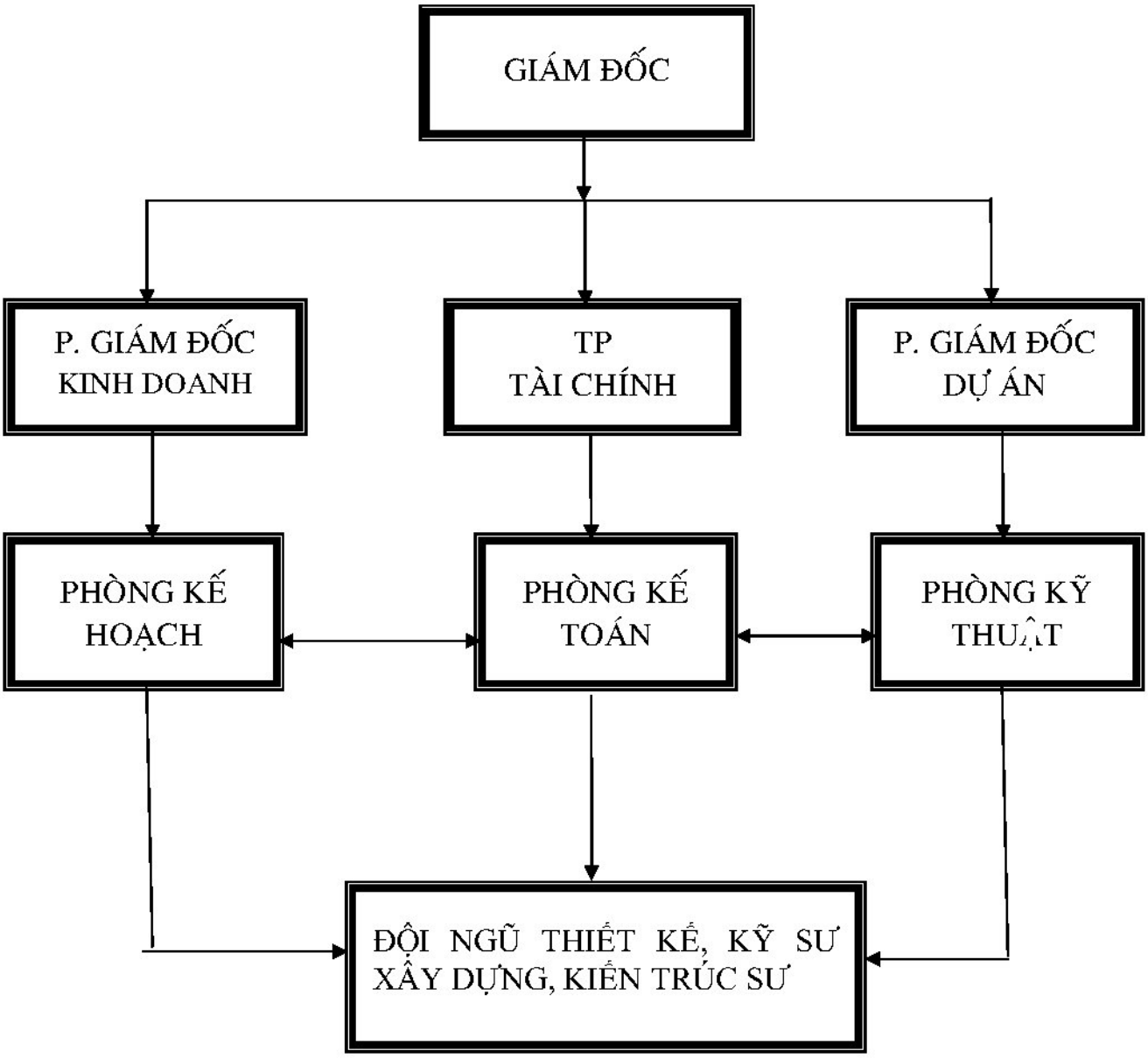

Số hiệu bằng

B 297046

Số vào sổ

177/2004/KT-ĐT

Chữ ký của người được cấp bằng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC TP. HỒ CHÍ MINH

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP
ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo TẠI CHỨC

ngành XÂY DỰNG DÂN DỤNG & CÔNG NGHIỆP

hạng TRUNG BÌNH năm tốt nghiệp 2004

và công nhận danh hiệu

KỸ SƯ XÂY DỰNG

cho *Nguyễn Văn Lâm*

sinh ngày 09/02/1981 tại TIỀN GIANG

TP. HCM *ngày* 24 *tháng* 11 *năm* 2004

Hiệu trưởng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC TP. HỒ CHÍ MINH

Khoa trưởng

TS. KTS. HOÀNG NHƯ TẤN

Chữ ký của người được cấp chứng chỉ

Số: I/2021 - 26/ CC - VBTDT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ TU BỔ DI TÍCH

Chứng nhận ông: NGUYỄN VĂN LÂM
Ngày sinh: 09/02/1981
Số CMND: 331345319
Ngày cấp: 05/02/2013 Nơi cấp: CA Vĩnh Long
Nghề nghiệp: Kỹ sư kỹ sư xây dựng

Đã hoàn thành chương trình
"ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ TU BỔ DI TÍCH"
Khoá I/2021, tháng 4/2021
Tại Viện Bảo tồn di tích

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2021
VIỆN BẢO TỒN DI TÍCH
Q.VIỆN TRƯỞNG

Đặng Khánh Ngọc

Chữ ký của người được cấp chứng chỉ

Thông tin của người được cấp chứng chỉ:

Số CMND (hoặc hộ chiếu): **331 345 319**

cấp ngày: **05/02/2013** tại: **CA Vĩnh Long**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Trình độ chuyên môn: **Kỹ sư xây dựng Dân dụng và Công nghiệp**

Số chứng chỉ: **GS1-08-26129-A**

SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Cấp cho Ông/Bà: **Nguyễn Văn Lâm**

Ngày sinh: **09/02/1981**

Địa chỉ thường trú: **Hòa Quí, Hòa Ninh, Long Hồ, Vĩnh Long**

Được phép hành nghề hoạt động xây dựng:

Giám sát xây dựng và hoàn thiện Công trình dân dụng./.

Chứng chỉ này có giá trị trên phạm vi toàn quốc đến ngày: **18/02/2021**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày **18** tháng **02** năm **2016**

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Hòa Bình

Chữ ký của người được cấp chứng chỉ

Thông tin của người được cấp chứng chỉ:

Số CMND (hoặc hộ chiếu): 331 345 319

cấp ngày: 05/02/2013 tại: CA Vĩnh Long

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Chuyên ngành: Xây dựng dân dụng và công nghiệp

Số chứng chỉ: **KS-08-13804-A**

SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Cấp cho Ông/Bà: Nguyễn Văn Lâm

Ngày sinh: 09/02/1981

Địa chỉ thường trú: Hòa Quí, Hòa Ninh, Long Hồ, T.Vĩnh Long

Được phép hành nghề hoạt động xây dựng:

- Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp./.

Chứng chỉ này có giá trị trên phạm vi toàn quốc đến ngày: 18/02/2021

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18. tháng 02 năm 2016.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Hòa Bình

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
HÀNH NGHỀ BẢO QUẢN, TU BỔ, PHỤC HỒI DI TÍCH

Trách nhiệm của người được cấp Chứng chỉ hành nghề:

- Thực hiện hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích trong phạm vi cho phép của Chứng chỉ hành nghề;
- Tuân thủ các quy định của pháp luật về di sản văn hóa, về xây dựng và các quy định của pháp luật khác có liên quan;
- Không được cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng Chứng chỉ hành nghề;
- Không tẩy xóa, sửa chữa Chứng chỉ hành nghề;
- Xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

.....

Chữ ký của người được cấp chứng chỉ

Thông tin của người được cấp chứng chỉ:

- Giấy CMND hoặc Mã số định danh cá nhân: 331345319, cấp ngày 05/02/2013 tại Công an tỉnh Vĩnh Long.
- Quốc tịch: Việt Nam.

Số chứng chỉ: 08 /CC-SVHTT

- Cấp cho ông: **NGUYỄN VĂN LÂM**
- Ngày tháng năm sinh: 09/02/1981.
- Địa chỉ thường trú: Hòa Quý, Hòa Ninh, Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.
- Được phép hành nghề hoạt động:
  1. Lập dự án tu bổ di tích, báo cáo kinh tế - kỹ thuật tu bổ di tích, thiết kế tu bổ di tích;
  2. Thi công tu bổ di tích;
  3. Giám sát thi công tu bổ di tích.

Chứng chỉ có giá trị trên phạm vi toàn quốc đến ngày: 08.../3/2027.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08../3/2022
GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H C.N VIỆT NAM
SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trần Thế Thuận

Số hiệu bằng

B 289745

Số vào sổ

39.14

Chữ ký của người được cấp bằng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo CHÍNH QUY

ngành Kinh tế xây dựng

hạng Khá năm tốt nghiệp 2002

và công nhận danh hiệu

Kỹ sư Kinh tế xây dựng

cho Đào Mộng Thúy

sinh ngày 16.11.1980 tại TP. Hồ Chí Minh

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2002

Hiệu trưởng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

HIỆU TRƯỞNG

Khoa trưởng

Lê Văn Học

Trách nhiệm của người được cấp chứng chỉ

- Hoạt động tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình theo quy định.
- Không được tẩy xóa, sửa chữa nội dung chứng chỉ
- Không được cho thuê, mượn chứng chỉ này để hành nghề.

SỞ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CHỨNG CHỈ
KỸ SƯ ĐỊNH GIÁ XÂY DỰNG

- Số chứng chỉ: 08-2805
- Lần cấp : Lần đầu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG TP HỒ CHÍ MINH

- Cấp cho ông/bà: Đào Mộng Thúy
- Ngày tháng năm sinh: 16/11/1980
- Nơi thường trú: Ấp 2B, Tân Ân, huyện Cần Đước, tỉnh Long An
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế xây dựng

Ngành: Kinh tế xây dựng

Chứng chỉ kỹ sư định giá hạng: 1(Một)

TP.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 08 năm 2014

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Đỗ Phi Hùng

Thông tin cá nhân của người được cấp chứng chỉ

Số CMND (hoặc hộ chiếu): 300 948 882

Ngày cấp: 18/01/2013 Nơi cấp: CA Long An

Quốc tịch: Việt Nam

Số chứng chỉ: 08-2805

Lần cấp: Lần đầu

Số hiệu bằng

B 575899

Số vào sổ

42.05

Chữ ký của người được cấp bằng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường ....ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI....

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo CHÍNH QUY

ngành ..Kinh tế xây dựng.....

hạng ....TB. Khá..... năm tốt nghiệp ..2005.....

và công nhận danh hiệu

.....Kỹ sư Kinh tế xây dựng.....

cho .....Nguyễn Thị Hồng.....

sinh ngày ..03.11.1982.. tại .....Hưng Yên.....

Hà Nội ngày ..13.. tháng ..6.. năm ..2005..

Hiệu trưởng

Khoa trưởng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

HIỆU TRƯỞNG

Lê Văn Học

Scanned with CamScanner

Thông tin cá nhân của người được cấp chứng chỉ

Số CMND (hoặc hộ chiếu): 025 004 436

Ngày cấp: 01/08/2008 Nơi cấp: CATP.HCM

Quốc tịch: Việt Nam

Số chứng chỉ: 08-0750

Lần cấp: Lần đầu

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG TP HỒ CHÍ MINH

- Cấp cho ông/bà: Nguyễn Thị Hồng
- Ngày tháng năm sinh: 03/11/1982
- Nơi thường trú: 41 đường 21, phường Tân Quy, Quận 7, TP.HCM.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế xây dựng

Ngành: Kinh tế xây dựng

Chứng chỉ kỹ sư định giá hạng: 2

TP.Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 11 năm 2010

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Văn Hiệp

Scanned with CamScanner

Số hiệu bằng

B 296389

Số vào sổ

488/2002/ICT ĐT

Chữ ký của người được cấp bằng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Căn cứ vào quy chế về văn bằng bậc đại học ban hành theo quyết định số 1994/QĐ-ĐH ngày 23-11-1990 của Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng trường

ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC TP. HỒ CHÍ MINH

cấp

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

loại hình đào tạo CHÍNH QUY

ngành QUI HOẠCH ĐÔ THỊ

hạng TRUNG BÌNH năm tốt nghiệp 2001

và công nhận danh hiệu

KIẾN TRÚC SƯ

cho *Nguyễn Bá Thuyên*

sinh ngày 01/03/1973 tại SÀI GÒN

TP. HCM *ngày* 26 *tháng* 02 *năm* 2002

Hiệu trưởng

Khoa trưởng

TS. KTS. HOÀNG NHƯ TẤN

Trách nhiệm của người được cấp chứng chỉ:

1. Chỉ được nhận và thực hiện các công việc hoạt động xây dựng trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này.
2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và các pháp luật khác có liên quan.
3. Cấm cho người khác thuê, mướn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.
4. Cấm tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ này.
5. Xuất trình khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: BXD-00033716

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 20/QĐ-HĐXD-CN ngày 28/8/2018)

THÔNG TIN CÁ NHÂN

.....
Chữ ký của người được cấp chứng chỉ

Họ và tên: **Nguyễn Bá Thuyên**
Ngày tháng năm sinh: **01/3/1973**
Số CMTND (hoặc số hộ chiếu): **022597741**
Cấp ngày: **17/11/2005** tại **CA Tp.Hồ Chí Minh**
Quốc tịch: **Việt Nam**
Cơ sở đào tạo: **Đại học Kiến trúc Tp.Hồ Chí Minh**
Hệ đào tạo: **Chính quy**
Trình độ chuyên môn: **Kiến trúc sư - ngành Quy hoạch Đô thị**

Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng:

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Thiết kế Kiến trúc công trình	I	từ 28/8/2018 đến 28/8/2023

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2018
CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG
BỘ XÂY DỰNG

TS. Hoàng Quang Nhu

Trách nhiệm của người được cấp chứng chỉ

- Chỉ được nhận và thực hiện các công việc hoạt động xây dựng trong phạm vi cho phép của chứng chỉ này.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan.

- Không được cho người khác thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ này để hành nghề.

- Không được tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ này.

- Trình báo khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
HÀNH NGHỀ KIẾN TRÚC SƯ
HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Chữ ký của người được cấp chứng chỉ

Thông tin của người được cấp chứng chỉ :

- Số CMTND (hoặc hộ chiếu): 111454213
cấp ngày 23/03/2012 tại CA-TP Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Đại học Kiến trúc - Kiến trúc sư

Số chứng chỉ :

KTS-027-00475

SỞ XÂY DỰNG TỈNH TUYÊN QUANG

- Cấp cho Ông: **ĐẶNG VĂN HIẾU**
- Ngày tháng năm sinh: 29/06/1981
- Địa chỉ thường trú: Xã Đan Phượng, huyện Đan Phượng, Hà Nội
- Được phép hành nghề hoạt động xây dựng:

1.Thiết kế quy hoạch xây dựng
2.Thiết kế Kiến trúc công trình
3.Thiết kế Nội ngoại thất công trình

Chứng chỉ có giá trị trên phạm vi toàn quốc đến ngày: 16/07/2023

Tuyên Quang, ngày 16/07/2018

GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
TỈNH TUYÊN QUANG

Nguyễn Quốc Vinh

405

THÔNG TIN CÁ NHÂN

.....
Chữ ký của người được cấp chứng chỉ

Họ và tên: **Nguyễn Hữu Vinh**
Ngày tháng năm sinh: **09/08/1981**
Số CMTND (hoặc số hộ chiếu): **051081000292**
Cấp ngày: **20/07/2021** tại **Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội**
Quốc tịch: **Việt Nam**
Cơ sở đào tạo: **Đại học Bình Dương**
Hệ đào tạo: **Chính quy**
Trình độ chuyên môn: **Kỹ sư Xây dựng (Cầu đường)**

Nội dung được phép hành nghề hoạt động xây dựng:

STT	Lĩnh vực hành nghề	Hạng	Thời hạn
1	Thiết kế xây dựng công trình cấp nước - thoát nước; chất thải rắn	II	từ 31/12/2021 đến 31/12/2026

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2021

TM. BAN CHẤP HÀNH
CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Điệp

TRUNG TÂM ĐIỆN TỬ MÁY TÍNH ELECTRONICS COMPUTER CENTER

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP.HCM
Vietnam National University of HCMC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
University of Natural Sciences

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Socialist Republic of Vietnam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence – Liberty – Happiness

GIẤY CHỨNG NHẬN LỚP CHUYÊN ĐỀ

☆☆☆☆☆ *CERTIFICATION OF SPECIAL COURSE* ☆☆☆☆☆

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
University of Natural Sciences

Chứng nhận *Trần Thanh Hoàng* sinh ngày 07-09-1983 tại ĐỒNG NAI
Certifies *Date of birth* *Place of birth*

đã hoàn tất lớp chuyên đề THIẾT KẾ ĐIỆN HỢP CHUẨN CHUYÊN NGHIỆP
has completed the special course Professional Standard Conformed Design of Electrical Installations

tổ chức tại TRUNG TÂM ĐIỆN TỬ - MÁY TÍNH của Trường. Thời gian khóa học: 3 tháng
held at the University's Electronics & Computer Center. *Duration of course* *month(s)*

Số tiết học: 100
Number of lecture hours

Điểm: 9,0 Hạng: Xuất sắc
Mark *Grade* (Excellent)

Vào sổ số.
Registered No.

56V/11

TP.HCM, ngày 29 tháng 04 năm 2011

Trưởng phòng Khoa học Công nghệ – Quan hệ Quốc tế
Head of Science Technology & International Relation Office

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

LÂM QUANG VINH

TRUNG TÂM ĐIỆN TỬ MÁY TÍNH ELECTRONICS COMPUTER CENTER

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

RECTOR

MIEN TAY CONSTRUCTION UNIVERSITY

has conferred

THE DEGREE OF ENGINEER

CIVIL ENGINEERING

Upon: **Mr. NGUYEN VAN ANH TUAN**

Date of birth: **01 September 1996**

Year of graduation: **2019**

Degree classification: **Good**

Mode of study: **Full-time**

Given under the seal of
Mien Tay Construction University

Reg. No: **276/Q2.ĐHCQ2019** ID: **14D15802010600**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY

cấp

BẰNG KỸ SƯ

KỸ THUẬT CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Cho: **Ông. NGUYỄN VĂN ANH TUẤN**

Ngày sinh: **01/09/1996**

Năm tốt nghiệp: **2019**

Xếp loại tốt nghiệp: **Khá**

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

Vĩnh Long, ngày 07 tháng 10 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY

TS. Nguyễn Văn Xuân

Số hiệu: 000213

Số vào sổ cấp bằng: **276/Q2.ĐHCQ2019**

Chữ ký của người được cấp chứng chỉ

Số: I/2021 - 68/ CC - VBTDT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ TU BỔ DI TÍCH

Chứng nhận ông: NGUYỄN VĂN ANH TUẤN
Ngày sinh: 01/09/1996
Số CMND: 331794176
Ngày cấp: 16/07/2012 Nơi cấp: CA Vĩnh Long
Nghề nghiệp: Kỹ sư kỹ thuật công trình xây dựng

Đã hoàn thành chương trình
"ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ TU BỔ DI TÍCH"
Khoá I/2021, tháng 4/2021
Tại Viện Bảo tồn di tích

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2021
VIỆN BẢO TỒN DI TÍCH
Q. VIỆN TRƯỞNG

Đặng Khánh Ngọc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trách nhiệm của người được cấp Chứng chỉ hành nghề:

- Thực hiện hoạt động bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích trong phạm vi cho phép của Chứng chỉ hành nghề;
- Tuân thủ các quy định của pháp luật về di sản văn hóa, về xây dựng và các quy định của pháp luật khác có liên quan;
- Không được cho người khác thuê mượn hoặc sử dụng Chứng chỉ hành nghề;
- Không tẩy xóa, sửa chữa Chứng chỉ hành nghề;
- Xuất trình khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ BẢO QUẢN, TU BỔ, PHỤC HỒI DI TÍCH

.....

Chữ ký của người được cấp chứng chỉ

Thông tin của người được cấp chứng chỉ:

- Giấy CMND hoặc Mã số định danh cá nhân: 331794176, cấp ngày 16/7/2012 tại Công an tỉnh Vĩnh Long.
- Quốc tịch: Việt Nam.

Số chứng chỉ: 01 /CC-SVHTT

SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Cấp cho ông: **NGUYỄN VĂN ANH TUẤN**
- Ngày tháng năm sinh: 01/9/1996.
- Địa chỉ thường trú: Xã Hòa Ninh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.
- Được phép hành nghề hoạt động:
  1. Thi công tu bổ di tích.
  Chứng chỉ có giá trị trên phạm vi toàn quốc đến ngày: 03.../3/2027./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03./3/2022
GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trần Thế Thuận

DANH SÁCH CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

I. Ban giám đốc điều hành :

1. Giám đốc :

+ Ông: PHẠM LÊ NHÂN - Kỹ sư xây dựng

2. Phó giám đốc :

+ Ông : NGUYỄN VĂN LÂM - Kỹ sư xây dựng

3. Kế toán trưởng (Trưởng phòng tài chính) :

+ Bà : NGUYỄN THỊ BÉ NHI

4. Trưởng phòng dự án:

+ Bà : ĐÀO MỘNG THÚY

II. Đội ngũ nhân viên : - Văn phòng / công trình

+ Kiến trúc sư : 04 người

+ Kỹ sư/ Đại học xây dựng : 06 người

+ Kinh tế xây dựng : 03 người

+ Đại học các ngành khác : 03 người

5. Danh mục các công trình tiêu biểu - kèm hợp đồng:

STT	TÊN DỰ ÁN	TÊN NHÀ THẦU / CHỦ ĐẦU TƯ	NĂM	NỘI DUNG	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG / QUYẾT TOÁN	GHI CHÚ
1	Nhà ở riêng lẻ	Huỳnh Thanh Chuẩn	2020	Gói thầu Tư vấn thiết kế	23.776.500	Đã bàn giao
2	Nhà ở riêng lẻ	Đoàn Thị Thu Hường	2020	Gói thầu Tư vấn thiết kế	87.496.200	Đã bàn giao
3	Nhà ở riêng lẻ	Đoàn Thị Thu Hường	2021	Gói thầu Tư vấn thiết kế	35.590.500	Đã bàn giao

4	Nâng cấp 02 phòng trình chiếu của Bảo tàng Mỹ Thuật thành phố HCM	Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh	2021	Tư vấn thiết kế, lập dự toán công trình	26.600.000	Đã bàn giao
5	Sơn sửa hàng rào giáp đường Phó Đức Chính	Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh	2021	Tư vấn thiết kế, lập dự toán công trình	26.700.000	Đã bàn giao
6	Cải tạo, sửa chữa 08 kho lưu tữ hiện vật tầng 2, tầng 3- toà nhà 1	Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh	2021	Tư vấn thiết kế, lập dự toán công trình	19.600.000	Đã bàn giao
7	Sửa chữa, chống thấm, sơn lại khu vực trong tòa nhà (Tầng trệt)	Nhà Tập Luyện Thể Thao Phú Thọ	2021	Tư vấn thiết kế, lập dự toán công trình	26.150.000	Đã bàn giao
8	Cải tạo, sửa chữa mái tôn hội trường A	Trung Tâm Dịch Vụ Thể Dục Thể Thao	2021	Tư vấn thiết kế, lập dự toán công trình	26.364.000	Đã bàn giao
9	Cải tạo, sửa chữa mái tôn hội trường A-1	Trung Tâm Dịch Vụ Thể Dục Thể Thao	2021	Tư vấn thiết kế, lập dự toán công trình	26.104.000	Đã bàn giao

ỦY BAN NHÂN DÂN **QUẬN 10**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
	Quận 10, ngày 22 tháng 7 năm 2020

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 575 /GPXD-UBND

(Sử dụng cho nhà ở riêng lẻ)

1. Cấp cho: **HUỲNH THANH CHUẨN – NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN.**
   - Địa chỉ: **Hòa Duân, Phú Thuận, Phú Vang, Thừa Thiên Huế.**

2. Được phép xây dựng công trình: nhà ở riêng lẻ kiên cố 04 tầng *(bao gồm trệt lửng, 02 lầu, sàn BTCT, mái BTCT)*; chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng công trình đối với quy hoạch tuyến đường hẻm phía trước nhà lùi vào từ 0,13m – 0,19m so với ranh đất được ghi nhận chủ quyền.

- Theo thiết kế có ký hiệu: **BVXPXD**; do **Công ty TNHH Tư vấn - Thiết kế - Xây dựng Kiến Phát** thiết lập; gồm các nội dung sau:

+ Thửa đất số: **128,** tờ bản đồ số: **51.**

+ Tại: **15/8 đường Nguyễn Ngọc Lộc, Phường 14 Quận 10.**

+ Cốt nền xây dựng công trình: cốt ± 0.00 tại lề đường (nền hẻm) hiện hữu.

+ Mật độ xây dựng thực tế: **100,0%**; hệ số sử dụng đất: **3,78.**

+ Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: theo bản vẽ đính kèm giấy phép xây dựng; màu sắc công trình phù hợp và hài hòa cảnh quan kiến trúc xung quanh *(không sử dụng màu chói, màu tối và vật liệu có độ bóng, độ phản quang trên 70%).*

+ Diện tích xây dựng tầng 01: **18,07** m^2; tổng diện tích sàn xây dựng: **72,05** m^2.

+ Chiều cao từ cốt ±0.00 đến sàn tầng 03 (lầu 01): **5,8** m; chiều cao toàn công trình: **14,6 m.**

+ Số tầng: **04 tầng** *(số tầng cao công trình được xác định theo Quy chuẩn 03:2012 - BXD).*

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: **Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số BC 863025 do Ủy ban nhân dân Quận 10 cấp ngày 07 tháng 4 năm 2011; đăng bộ chuyển nhượng ngày 02 tháng 07 năm 2013.**

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn **12** tháng kể từ ngày cấp; trong thời hạn **30** ngày trước khi giấy phép hết hiệu lực mà chủ đầu tư chưa đủ điều kiện khởi công xây dựng theo quy định thì phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư;
- TTSXD - ĐĐB. 10;
- P.QLĐT Q.10;
- UBND P.14 Q.10;
- Lưu.VT (htnoanh)

} (bản photo)

Nguyễn Thị Thu Nga

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2020

HỢP ĐỒNG

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG VÀ DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Số: 2507/2020/HĐKT

Giữa

Ông: HUỲNH THANH CHUẨN

Và

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG THIỆN NGUYỄN

Gói Thầu	: Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình
Công Trình	: Nhà ở riêng lẻ.
Hạng mục	: Xây mới
Địa điểm XD	: 15/8 Đường Nguyễn Ngọc Lộc, Phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014;
- Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về việc Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ về việc qui định chi tiết về Hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ thông tư số 16/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ vào nhu cầu khả năng của các bên.
- Căn cứ giấy phép xây dựng Số: 575/GPXD-UBND được cấp bởi UBND Quận 10 ngày 22/07/2020.

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 25 tháng 07 năm 2020 tại văn phòng công ty Thiện Nguyễn, chúng tôi gồm các bên dưới đây :

1/ ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ (Bên A):

- Ông(Bà) : **HUỲNH THANH CHUẨN**
- Địa chỉ : Hòa Duân, Phú Nhuận, Phú Vang, Thừa Thiên Huế
- Điện thoại : 091 222 7369
- **2/ NHÀ THẦU (Bên B):**
- Tên đơn vị : **CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG THIỆN NGUYỄN**
- Địa chỉ : 32D Lâm Hoành, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. HCM
- Đại diện : **Ông PHẠM LÊ NHÂN**
- Chức vụ : Giám đốc
- Điện thoại : 028.6266 1080 Fax: 028.6266 1081
- Email : thiennguyendeco@gmail.com
- Tài khoản : Số 33696938 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB) – Phòng giao dịch Lê Trọng Tấn.
- Mã số thuế : 0315787260

Chủ đầu tư và Nhà thầu được gọi riêng là **Bên** và gọi chung là **Các Bên**.

Các Bên tại đây thống nhất thoả thuận như sau:

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT
HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU:

Điều 1.Các định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ trong Hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1.1. "Chủ đầu tư" bà HUỲNH THANH CHUẨN.

1.2. "Nhà thầu" Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Thiện Nguyễn.

1.3. "Công trình" Nhà ở riêng lẻ.

1.4. "Gói thầu" Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình.

1.5. Đại diện Đơn vị giao thầu gọi tắt là Bên A là người được chủ đầu tư nêu ra trong Hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Bên A điều hành công việc.

1.6. Đại diện Đơn vị nhận thầu gọi tắt là Bên B là người được Nhà thầu nêu ra trong Hợp đồng hoặc được chỉ định và thay mặt Bên B điều hành công việc.

1.7. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên].

1.8. Bên là Bên A hoặc Bên B tuỳ theo hoàn cảnh cụ thể.

1.9. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

1.10.Ngày làm việc là ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.

1.11.Bất khả kháng được định nghĩa tại Điều 14 [Rủi ro và bất khả kháng]

1.12.Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ Hợp đồng bao gồm các căn cứ ký kết hợp đồng; các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này và các tài liệu tại khoản 2.2 dưới đây.

2.2. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng, bao gồm các căn cứ ký kết hợp đồng, điều khoản và điều kiện của hợp đồng này và các tài liệu sau:

2.3. Căn cứ giấy phép xây dựng Số: 575/GPXD-UBND được cấp bởi UBND Quận 10 ngày 22/07/2020 V/v Chỉ định Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Thiện Nguyễn thực hiện Tư vấn Thiết kế BVTC và Dự toán XDCT, Công trình: Nhà ở riêng lẻ, Hạng mục: Xây dựng mới;

- Các phụ lục bổ sung trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Điều 3. Trao đổi thông tin

3.1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng.

3.2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 4. Luật và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

4.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

4.2. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 5. Nội dung và khối lượng công việc Thiết kế BVTC và dự toán xây dựng công trình

Nội dung và khối lượng công việc Nhà thầu thực hiện được thể hiện cụ thể trong các biên bản đàm phán hợp đồng giữa các Bên bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

5.1. Thiết kế BVTC và dự toán xây dựng công trình gồm Bản vẽ thiết kế và Dự toán xây dựng công trình, đảm bảo phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn và qui định của pháp luật về xây dựng.

5.2. Tham gia các cuộc họp có liên quan tới sản phẩm tư vấn xây dựng khi Chủ đầu tư yêu cầu trong quá trình triển khai thực hiện.

5.3. Giám sát tác giả và làm rõ thiết kế, sửa đổi thiết kế (nếu có) trong quá trình thi công xây dựng công trình.

Điều 6. Giám sát tác giả đối với tư vấn Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình

Bên B phải cử người đủ năng lực để thực hiện việc giám sát tác giả trong quá trình thi công xây dựng công trình, cụ thể như sau:

6.1. Bên B có trách nhiệm giải thích và làm rõ các tài liệu thiết kế công trình cho Bên A, các Nhà thầu khác để quản lý và thi công theo đúng thiết kế.

6.2. Sửa đổi thiết kế đối với những nội dung chưa phù hợp với tiêu chuẩn, điều kiện thực tế của công trình.

6.3. Khi phát hiện thi công sai với thiết kế, người giám sát tác giả phải ghi nhật ký giám sát và yêu cầu nhà thầu thi công thực hiện đúng thiết kế. Trong trường hợp không khắc phục được Nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Bên A.

6.4. Bên B có trách nhiệm tham gia nghiệm thu công trình xây dựng khi có yêu cầu của Bên A.

6.5. Qua giám sát tác giả, nếu phát hiện công trình xây dựng không đủ điều kiện nghiệm thu thì Bên B phải có văn bản gửi Bên A nêu rõ lý do từ chối nghiệm thu.

6.6. Trong quá trình thi công, nếu thiết kế không phù hợp, phải điều chỉnh lại so với thiết kế ban đầu.

Điều 7. Nghiệm thu sản phẩm

Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn Thiết kế BVTC và Dự toán lập xây dựng công trình

7.1 . Hợp đồng tư vấn Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình.

7.2. Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng.

7.3. Hồ sơ Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng gồm Bản vẽ thiết kế và Dự toán xây dựng công trình (tổng mức đầu tư).

7.4. Số lượng hồ sơ bao gồm bản vẽ thiết kế và dự toán được lập là 06 bộ.

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng

8.1. Tiến độ và thời gian thực hiện Hợp đồng là **30** ngày kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực, bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ *(thời gian trên không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng)*.

8.2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp bên B hoặc Bên A gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời

gian của một Bên, Bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các Bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

8.3. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu.

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

9.1. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

9.2. Giá hợp đồng:

- Giá trị hợp đồng Căn cứ giấy phép xây dựng Số: 575/GPXD-UBND được cấp bởi UBND Quận 10 ngày 22/07/2020 V/v Chỉ định Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Thiện Nguyễn thực hiện Tư vấn Thiết kế BVTC và Dự toán XDCT, Công trình: Nhà ở riêng lẻ, Hạng mục: Xây dựng mới; là: **23.776.500** đồng *(Bằng chữ: Hai mươi ba triệu, bảy trăm bảy mươi sáu ngàn năm trăm đồng)*. Đã bao gồm thuế giá trị gia tăng VAT.

Nội dung của giá Hợp đồng

* Giá Hợp đồng trọn gói dịch vụ Thiết kế BVTC và dự toán xây dựng công trình nêu trên đã bao gồm:

- Chi phí chuyên gia, chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí khác, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp và thuế giá trị gia tăng.

- Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.

- Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của chủ đầu tư, xử lý vướng mắc trong Hồ sơ thiết kế đối với tư vấn Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình.

- Chi phí khác có liên quan.

* Giá hợp đồng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của Chủ đầu tư để xem xét các đề nghị của Nhà thầu.

- Chi phí lấy ý kiến, thẩm tra, phê duyệt...

9.3. **Tiến độ thanh toán**

Sau khi có quyết định phê duyệt Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công và Dự toán xây dựng công trình của cấp có thẩm quyền, Bên B gửi Giấy đề nghị thanh toán cho Bên A, và Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến 90% giá trị Hợp đồng.

Sau khi Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, Bên B hoàn thành tất cả các công việc theo nghĩa vụ ghi trong Hợp đồng và giá trị Quyết toán gói thầu Tư vấn Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình được Chủ đầu tư chấp thuận, Hai Bên tiến hành thanh lý hợp đồng, Bên B gửi Giấy đề nghị thanh toán cho Bên A, Bên A sẽ thanh toán số tiền còn lại của Hợp đồng cho Bên B. Sau khi nhận được giấy đề nghị thanh toán của Bên B.

9.4. **Hồ sơ thanh toán**:

- Theo đúng thủ tục về Quản lý đầu tư xây dựng công trình hiện hành có liên quan.
- Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

Điều 10. Điều chỉnh giá hợp đồng

Giá hợp đồng được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

10.1. Phát sinh khối lượng công việc ngoài phạm vi Hợp đồng.

10.2. Do nguyên nhân bất khả kháng quy định tại Điều 14 [Rủi ro và bất khả kháng] ảnh hưởng tới giá Hợp đồng.

10.3. Chi phí cho những công việc phát sinh: Được xác định trên cơ sở khối lượng công việc phát sinh và đơn giá trong hợp đồng hoặc đơn giá được xác định trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Xây dựng và các thỏa thuận của Hợp đồng này.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ

11.1. Quyền của Bên B:

a) Yêu cầu Bên A cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến tư vấn xây dựng.

b) Đề xuất các công việc thay đổi khi phát hiện yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng.

c) Quyền tác giả đối với thiết kế công trình.

d) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Bên A.

e) Được quyền yêu cầu Bên A thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

11.2. Nghĩa vụ của Bên B:

a) Đảm bảo rằng tất cả các công việc Bên B thực hiện theo Hợp đồng này phải phù hợp với luật pháp của Việt Nam.

b) Thực hiện tư vấn Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình theo đúng nội dung và khối lượng công việc đã thoả thuận và tuân thủ các quy định về việc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn của Việt Nam.

c) Thực hiện và chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình.

d) Nộp cho Bên A các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng.

đ) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn xây dựng. Bên B có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Bên A tổ chức.

e) Bên B sắp xếp, bố trí nhân lực của mình để thực hiện công việc tư vấn.

f) Phải cam kết khi có yêu cầu của Bên A, Bên B sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Bên A (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu và bàn giao hồ sơ lập Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình.

g) Tuân thủ sự chỉ đạo và hướng dẫn của Bên A, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

h) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của Bên A.

i) Tất cả sản phẩm cuối cùng khi bàn giao cho Bên A phải phù hợp với Hợp đồng, có đủ căn cứ pháp lý và được Bên A nghiệm thu. Sản phẩm giao nộp cuối cùng theo Hợp đồng sẽ là tài sản của Bên A.

k) Bên B không được tiết lộ bất kỳ thông tin bí mật hay độc quyền nào liên quan đến công việc tư vấn, Hợp đồng hay các hoạt động công việc của Bên A khi chưa được Bên A đồng ý và chấp thuận trước bằng văn bản.

l) Bên B phải tự thu xếp phương tiện đi lại, chỗ ăn ở khi phải làm việc xa trụ sở của mình.

m) Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Bên A về quan hệ giao dịch, thực hiện công việc và thanh toán, quyết toán theo Hợp đồng với Bên A.

n) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

11.3. Quyền của Bên A:

a) Sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình theo Hợp đồng.

b) Không nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo Hợp đồng.

c) Kiểm tra công việc tư vấn của Nhà thầu nếu thấy cần thiết.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn.

đ) Đình chỉ thực hiện hoặc yêu cầu chấm dứt Hợp đồng theo quy định.

11.4. Nghĩa vụ của Bên A:

a) Tạo điều kiện tốt nhất để Bên B thực hiện công việc tư vấn.

b) Hướng dẫn Bên B về những nội dung liên quan đến Dự án; Tạo điều kiện để Bên B được tiếp cận với công trình, thực địa.

c) Cung cấp các tài liệu cần thiết theo đề xuất của Bên B để Bên B thực hiện công việc tư vấn. Bên A chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp.

d) Xem xét yêu cầu, đề xuất của Bên B liên quan đến thực hiện công việc tư vấn và phê duyệt trong một khoảng thời gian hợp lý để không làm chậm tiến độ thực hiện tư vấn xây dựng.

đ) Thanh toán cho Bên B toàn bộ giá hợp đồng theo đúng các qui định được thoả thuận trong Hợp đồng này.

Điều 12. Nhân lực của Bên B

12.1. Nhân lực của Bên B phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn.

12.2. Bên B tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Bên B không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 13. Bảo hiểm

Bên B phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo qui định.

Điều 14. Rủi ro và bất khả kháng

14.1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện Hợp đồng. Các bên phải đánh giá các nguy cơ rủi ro.

14.2. Bất khả kháng là sự kiện rủi ro không thể chống đỡ nổi khi nó xảy ra như: Động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất hay hoạt động núi lửa, chiến tranh, dịch bệnh.

14.3. Các biện pháp thực hiện trong tình trạng bất khả kháng.

a) Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiến hành các biện pháp để hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng với thời gian sớm nhất và phải thông báo cho bên kia biết sự kiện bất khả kháng vào thời gian sớm nhất.

b) Các Bên sẽ thực hiện mọi biện pháp để giảm tối đa mức thiệt hại do sự kiện bất khả kháng gây ra.

c) Trong trường hợp xảy ra bất khả kháng, các Bên sẽ gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng tương ứng bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

d) Nếu trường hợp bất khả kháng xảy ra mà mọi nỗ lực của một Bên hoặc các Bên không đem lại kết quả và buộc phải chấm dứt công việc tại một thời điểm bất kỳ, một Bên sẽ gửi thông báo việc chấp dứt hợp đồng bằng văn bản cho Bên kia và việc chấm dứt sẽ có hiệu lực 7 ngày sau khi Bên kia nhận được thông báo.

14.4. Thanh toán khi xảy ra bất khả kháng.

Các khoản chi phí phát sinh hợp lý do Bên B phải chịu hậu quả bất khả kháng để phục hồi hoạt động được Bên A xem xét để thanh toán.

Điều 15. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

15.1. Tạm ngừng công việc bởi Bên A

Nếu Bên B không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Bên A có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Bên B, Bên A phải nêu rõ phần lỗi của Bên B và yêu cầu Bên B phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên A do tạm ngừng công việc.

15.2. Tạm ngừng công việc bởi Bên B

a) Nếu Bên A không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thoả thuận trong Hợp đồng này quá 10 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Bên A, Bên B có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Bên A thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, Bên B phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Bên B phải thông báo cho Bên A để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Bên A xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

15.3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng thì một Bên phải thông báo cho Bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai Bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

Điều 16. Chấm dứt hợp đồng

16.1. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A

a) Bên B không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Bên B không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 10 ngày mà Bên A có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A về sai sót đó.

b) Bên B không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 8 [Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng], hoặc 30 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.

c) Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Bên A.

d) Bên B bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản,

16.2. Chấm dứt hợp đồng bởi Bên B

Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Bên A tối thiểu là 10 ngày trong các trường hợp sau đây:

a) Sau 30 ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của Bên A.

b) Bên A không thanh toán cho Bên B theo Hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 18 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp] sau 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Bên A bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản.

16.3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các Bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

16.4. Khi một trong hai Bên chấm dứt Hợp đồng, thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Bên B sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

16.5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 9 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác...).

Điều 17. Thưởng, phạt và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng

a) Thưởng Hợp đồng: Không.

b) Phạt vi phạm Hợp đồng

Vi phạm về thời gian thực hiện Hợp đồng: Phạt 2 % giá trị phần hợp đồng kinh tế bị vi phạm thời gian thực hiện cho 10 ngày lịch đầu tiên; phạt thêm từ 0.5% đến 1% cho mỗi đợt 10 ngày tiếp theo cho đến mức tổng số các lần phạt không quá 8% giá trị phần Hợp đồng kinh tế bị vi phạm ở thời điểm 10 ngày lịch đầu tiên; nếu hoàn toàn không thực hiện hợp đồng kinh tế đã ký thì bị phạt đến mức 12% giá trị Hợp đồng.

Điều 18.Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

Nếu có phát sinh tranh chấp giữa các Bên liên quan đến Hợp đồng này hoặc bất cứ vấn đề gì phát sinh, các Bên phải lập tức tiến hành thương lượng để giải quyết vấn đề một cách hữu hảo. Nếu thương lượng không có kết quả thì các bên sẽ đệ trình vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của Pháp luật. Quyết định của Trọng tài hoặc Tòa án nhân dân là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các Bên.

Điều 19. Quyết toán Hợp đồng

19.1. Quyết toán Hợp đồng

Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc Tư vấn theo Hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư rằng Nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo qui định của Hợp đồng, Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư 06 bộ tài liệu quyết toán Hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

a) Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc Tư vấn.

b) Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).

Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu.

Và các tài liệu các theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy định về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình của Sở văn hóa và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán Hợp đồng, Nhà thầu sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai Bên. Nhà thầu sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai Bên đã thống nhất.

Sau khi hai Bên đã thống nhất tài liệu quyết toán, Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của Hợp đồng cho Nhà thầu.

19.2. Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 16 [Chấm dứt Hợp đồng].

Điều 20. Điều khoản chung

Các Bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của Hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký kết.

Hợp đồng này bao gồm 09 trang, và được lập thành 02 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 01 bản, Nhà thầu sẽ giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
CHỦ ĐẦU TƯ	**CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG THIỆN NGUYỄN**
	Giám đốc
Huỳnh Thanh Chuẩn	**Phạm Lê Nhân**

UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 914 /GPXD-UBND	*TP Cao Lãnh, ngày 24 tháng 9 năm 2020*

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho nhà ở riêng lẻ đô thị)

1. Cấp cho: Bà Đoàn Thị Thu Hường

- Địa chỉ: **Số 52/3, đường Mai Văn Vĩnh, Phường Tân Quy, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh**

2. Được phép xây dựng công trình: Nhà ở riêng lẻ

- Theo thiết kế có ký hiệu:
- Do: **Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng Tổng Hợp lập**
- Gồm các nội dung sau:

+ Vị trí xây dựng:

. Lô đất số: **48** tờ bản đồ số **29**, loại đất: **ODT**, diện tích: **66,80m**

. Địa chỉ: **đường số 04, tổ 28, khóm Mỹ Hưng, Phường 3, TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp**

+ Cốt nền xây dựng công trình: **+0.2m so với đỉnh vỉa hè**

+ Mật độ xây dựng: , hệ số sử dụng đất:

+ Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: **Theo họa đồ vị trí xây dựng.**

+ Màu sắc công trình, nhà ở:

+ Diện tích xây dựng (tầng 1): **(4.3 x 16.0)-(2.0 x 2.0)/2 = 66,80 m²**

+ Tổng diện tích sàn (bao gồm cả tầng hầm và tầng lửng):

(((5.2 x 16.9)-(3.1 x 0.9)-(2.55 x 2.4)/2) x 3)+((5.2 x 16.9)-(2.55 x 2.4)/2) + 66,80 = 397,71 m²

+ Chiều cao tầng một: **3,90 m**

+ Chiều cao công trình: **20,40m** , số tầng **(1 trệt, 4 lầu)**

3. Giấy tờ về QSDĐ số: **Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS04299 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 26/6/2020.**

4.Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp, quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn giấy phép.

Nơi nhận: - Bà Đoàn Thị Thu Hường; - Lưu.	**TM.UỶ BAN NHÂN DÂN** **KT.CHỦ TỊCH** **PHÓ CHỦ TỊCH** *Nguyễn Cư Trinh*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 09 năm 2020

HỢP ĐỒNG

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG VÀ DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Số: 2509/2020/HĐKT

Giữa

BÀ: ĐOÀN THỊ THU HƯỜNG

Và

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG THIỆN NGUYỄN

Gói Thầu	: Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình
Công Trình	: Nhà ở riêng lẻ.
Hạng mục	: Xây mới
Địa điểm XD	: Đường số 4, tổ 28, khóm Mỹ, Phường 3, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014;
- Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về việc Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ về việc qui định chi tiết về Hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ thông tư số 16/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ vào nhu cầu khả năng của các bên.
- Căn cứ giấy phép xây dựng Số: 914/GPXD-UBND được cấp bởi UBND TP Cao Lãnh ngày 22/09/2020.

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 25 tháng 09 năm 2020 tại văn phòng công ty Thiện Nguyễn, chúng tôi gồm các bên dưới đây :

1/ ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ (Bên A):

- Ông(Bà) : **ĐOÀN THỊ THU HƯỜNG**
- Địa chỉ : Số 52/3 Đường Mai Văn Vĩnh, P Tân Quy, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : 093 312 0218

- 2/ NHÀ THẦU (Bên B):

- Tên đơn vị : **CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG THIỆN NGUYỄN**
- Địa chỉ : 32D Lâm Hoành, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. HCM
- Đại diện : **Ông PHẠM LÊ NHÂN**
- Chức vụ : Giám đốc
- Điện thoại : 028.6266 1080 Fax: 028.6266 1081
- Email : thiennguyendeco@gmail.com
- Tài khoản : Số 33696938 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB) – Phòng giao dịch Lê Trọng Tấn.
- Mã số thuế : 0315787260

Chủ đầu tư và Nhà thầu được gọi riêng là **Bên** và gọi chung là **Các Bên**.

Các Bên tại đây thống nhất thoả thuận như sau:

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT
HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU:

Điều 1.Các định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ trong Hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1.1. "Chủ đầu tư" bà ĐOÀN THỤ THU HƯỜNG.

1.2. "Nhà thầu" Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Thiện Nguyễn.

1.3. "Công trình" Nhà ở riêng lẻ.

1.4. "Gói thầu" Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình.

1.5. Đại diện Đơn vị giao thầu gọi tắt là Bên A là người được chủ đầu tư nêu ra trong Hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Bên A điều hành công việc.

1.6. Đại diện Đơn vị nhận thầu gọi tắt là Bên B là người được Nhà thầu nêu ra trong Hợp đồng hoặc được chỉ định và thay mặt Bên B điều hành công việc.

1.7. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên].

1.8. Bên là Bên A hoặc Bên B tuỳ theo hoàn cảnh cụ thể.

1.9. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

1.10.Ngày làm việc là ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.

1.11.Bất khả kháng được định nghĩa tại Điều 14 [Rủi ro và bất khả kháng]

1.12.Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ Hợp đồng bao gồm các căn cứ ký kết hợp đồng; các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này và các tài liệu tại khoản 2.2 dưới đây.

2.2. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng, bao gồm các căn cứ ký kết hợp đồng, điều khoản và điều kiện của hợp đồng này và các tài liệu sau:

2.3. Căn cứ giấy phép xây dựng Số: 914/GPXD-UBND được cấp bởi UBND TP Cao Lãnh ngày 22/09/2020 V/v Chỉ định Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Thiện Nguyễn thực hiện Tư vấn Thiết kế BVTC và Dự toán XDCT, Công trình: Nhà ở riêng lẻ, Hạng mục: Xây dựng mới;

- Các phụ lục bổ sung trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Điều 3. Trao đổi thông tin

3.1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng.

3.2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 4. Luật và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

4.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

4.2. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 5. Nội dung và khối lượng công việc Thiết kế BVTC và dự toán xây dựng công trình

Nội dung và khối lượng công việc Nhà thầu thực hiện được thể hiện cụ thể trong các biên bản đàm phán hợp đồng giữa các Bên bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

5.1. Thiết kế BVTC và dự toán xây dựng công trình gồm Bản vẽ thiết kế và Dự toán xây dựng công trình, đảm bảo phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn và qui định của pháp luật về xây dựng.

5.2. Tham gia các cuộc họp có liên quan tới sản phẩm tư vấn xây dựng khi Chủ đầu tư yêu cầu trong quá trình triển khai thực hiện.

5.3. Giám sát tác giả và làm rõ thiết kế, sửa đổi thiết kế (nếu có) trong quá trình thi công xây dựng công trình.

Điều 6. Giám sát tác giả đối với tư vấn Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình

Bên B phải cử người đủ năng lực để thực hiện việc giám sát tác giả trong quá trình thi công xây dựng công trình, cụ thể như sau:

6.1. Bên B có trách nhiệm giải thích và làm rõ các tài liệu thiết kế công trình cho Bên A, các Nhà thầu khác để quản lý và thi công theo đúng thiết kế.

6.2. Sửa đổi thiết kế đối với những nội dung chưa phù hợp với tiêu chuẩn, điều kiện thực tế của công trình.

6.3. Khi phát hiện thi công sai với thiết kế, người giám sát tác giả phải ghi nhật ký giám sát và yêu cầu nhà thầu thi công thực hiện đúng thiết kế. Trong trường hợp không khắc phục được Nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Bên A.

6.4. Bên B có trách nhiệm tham gia nghiệm thu công trình xây dựng khi có yêu cầu của Bên A.

6.5. Qua giám sát tác giả, nếu phát hiện công trình xây dựng không đủ điều kiện nghiệm thu thì Bên B phải có văn bản gửi Bên A nêu rõ lý do từ chối nghiệm thu.

6.6. Trong quá trình thi công, nếu thiết kế không phù hợp, phải điều chỉnh lại so với thiết kế ban đầu.

Điều 7. Nghiệm thu sản phẩm

Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn Thiết kế BVTC và Dự toán lập xây dựng công trình

7.1 . Hợp đồng tư vấn Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình.

7.2. Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng.

7.3. Hồ sơ Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng gồm Bản vẽ thiết kế và Dự toán xây dựng công trình (tổng mức đầu tư).

7.4. Số lượng hồ sơ bao gồm bản vẽ thiết kế và dự toán được lập là 06 bộ.

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng

8.1. Tiến độ và thời gian thực hiện Hợp đồng là **35** ngày kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực, bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ *(thời gian trên không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng)*.

8.2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp bên B hoặc Bên A gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời

gian của một Bên, Bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các Bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

8.3. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu.

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

9.1. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

9.2. Giá hợp đồng:

- Giá trị hợp đồng Căn cứ giấy phép xây dựng Số: 914/GPXD-UBND được cấp bởi UBND TP Cao Lãnh ngày 22/09/2020 V/v Chỉ định Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Thiện Nguyễn thực hiện Tư vấn Thiết kế BVTC và Dự toán XDCT, Công trình: Nhà ở riêng lẻ, Hạng mục: Xây dựng mới; là: **87.496.200** đồng *(Bằng chữ: Tám mươi bảy triệu, bốn trăm chín mươi sáu ngàn hai trăm đồng)*. Đã bao gồm thuế giá trị gia tăng VAT.

Nội dung của giá Hợp đồng

* Giá Hợp đồng trọn gói dịch vụ Thiết kế BVTC và dự toán xây dựng công trình nêu trên đã bao gồm:

- Chi phí chuyên gia, chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí khác, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp và thuế giá trị gia tăng.
- Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.
- Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của chủ đầu tư, xử lý vướng mắc trong Hồ sơ thiết kế đối với tư vấn Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình.
- Chi phí khác có liên quan.

* Giá hợp đồng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của Chủ đầu tư để xem xét các đề nghị của Nhà thầu.
- Chi phí lấy ý kiến, thẩm tra, phê duyệt...

9.3. **Tiến độ thanh toán**

Sau khi có quyết định phê duyệt Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công và Dự toán xây dựng công trình của cấp có thẩm quyền, Bên B gửi Giấy đề nghị thanh toán cho Bên A, và Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến 90% giá trị Hợp đồng.

Sau khi Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, Bên B hoàn thành tất cả các công việc theo nghĩa vụ ghi trong Hợp đồng và giá trị Quyết toán gói thầu Tư vấn Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình được Chủ đầu tư chấp thuận, Hai Bên tiến hành thanh lý hợp đồng, Bên B gửi Giấy đề nghị thanh toán cho Bên A, Bên A sẽ thanh toán số tiền còn lại của Hợp đồng cho Bên B. Sau khi nhận được giấy đề nghị thanh toán của Bên B.

9.4. **Hồ sơ thanh toán**:

- Theo đúng thủ tục về Quản lý đầu tư xây dựng công trình hiện hành có liên quan.
- Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

Điều 10. Điều chỉnh giá hợp đồng

Giá hợp đồng được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

10.1. Phát sinh khối lượng công việc ngoài phạm vi Hợp đồng.

10.2. Do nguyên nhân bất khả kháng quy định tại Điều 14 [Rủi ro và bất khả kháng] ảnh hưởng tới giá Hợp đồng.

10.3. Chi phí cho những công việc phát sinh: Được xác định trên cơ sở khối lượng công việc phát sinh và đơn giá trong hợp đồng hoặc đơn giá được xác định trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Xây dựng và các thỏa thuận của Hợp đồng này.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ

11.1. Quyền của Bên B:

a) Yêu cầu Bên A cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến tư vấn xây dựng.

b) Đề xuất các công việc thay đổi khi phát hiện yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng.

c) Quyền tác giả đối với thiết kế công trình.

d) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Bên A.

e) Được quyền yêu cầu Bên A thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

11.2. Nghĩa vụ của Bên B:

a) Đảm bảo rằng tất cả các công việc Bên B thực hiện theo Hợp đồng này phải phù hợp với luật pháp của Việt Nam.

b) Thực hiện tư vấn Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình theo đúng nội dung và khối lượng công việc đã thoả thuận và tuân thủ các quy định về việc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn của Việt Nam.

c) Thực hiện và chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình.

d) Nộp cho Bên A các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng.

đ) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn xây dựng. Bên B có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Bên A tổ chức.

e) Bên B sắp xếp, bố trí nhân lực của mình để thực hiện công việc tư vấn.

f) Phải cam kết khi có yêu cầu của Bên A, Bên B sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Bên A (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu và bàn giao hồ sơ lập Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình.

g) Tuân thủ sự chỉ đạo và hướng dẫn của Bên A, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

h) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của Bên A.

i) Tất cả sản phẩm cuối cùng khi bàn giao cho Bên A phải phù hợp với Hợp đồng, có đủ căn cứ pháp lý và được Bên A nghiệm thu. Sản phẩm giao nộp cuối cùng theo Hợp đồng sẽ là tài sản của Bên A.

k) Bên B không được tiết lộ bất kỳ thông tin bí mật hay độc quyền nào liên quan đến công việc tư vấn, Hợp đồng hay các hoạt động công việc của Bên A khi chưa được Bên A đồng ý và chấp thuận trước bằng văn bản.

l) Bên B phải tự thu xếp phương tiện đi lại, chỗ ăn ở khi phải làm việc xa trụ sở của mình.

m) Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Bên A về quan hệ giao dịch, thực hiện công việc và thanh toán, quyết toán theo Hợp đồng với Bên A.

n) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

11.3. Quyền của Bên A:

a) Sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình theo Hợp đồng.

b) Không nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo Hợp đồng.

c) Kiểm tra công việc tư vấn của Nhà thầu nếu thấy cần thiết.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn.

đ) Đình chỉ thực hiện hoặc yêu cầu chấm dứt Hợp đồng theo quy định.

11.4. Nghĩa vụ của Bên A:

a) Tạo điều kiện tốt nhất để Bên B thực hiện công việc tư vấn.

b) Hướng dẫn Bên B về những nội dung liên quan đến Dự án; Tạo điều kiện để Bên B được tiếp cận với công trình, thực địa.

c) Cung cấp các tài liệu cần thiết theo đề xuất của Bên B để Bên B thực hiện công việc tư vấn. Bên A chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp.

d) Xem xét yêu cầu, đề xuất của Bên B liên quan đến thực hiện công việc tư vấn và phê duyệt trong một khoảng thời gian hợp lý để không làm chậm tiến độ thực hiện tư vấn xây dựng.

đ) Thanh toán cho Bên B toàn bộ giá hợp đồng theo đúng các qui định được thoả thuận trong Hợp đồng này.

Điều 12. Nhân lực của Bên B

12.1. Nhân lực của Bên B phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn.

12.2. Bên B tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Bên B không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 13. Bảo hiểm

Bên B phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo qui định.

Điều 14. Rủi ro và bất khả kháng

14.1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện Hợp đồng. Các bên phải đánh giá các nguy cơ rủi ro.

14.2. Bất khả kháng là sự kiện rủi ro không thể chống đỡ nổi khi nó xảy ra như: Động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất hay hoạt động núi lửa, chiến tranh, dịch bệnh.

14.3. Các biện pháp thực hiện trong tình trạng bất khả kháng.

a) Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiến hành các biện pháp để hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng với thời gian sớm nhất và phải thông báo cho bên kia biết sự kiện bất khả kháng vào thời gian sớm nhất.

b) Các Bên sẽ thực hiện mọi biện pháp để giảm tối đa mức thiệt hại do sự kiện bất khả kháng gây ra.

c) Trong trường hợp xảy ra bất khả kháng, các Bên sẽ gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng tương ứng bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

d) Nếu trường hợp bất khả kháng xảy ra mà mọi nỗ lực của một Bên hoặc các Bên không đem lại kết quả và buộc phải chấm dứt công việc tại một thời điểm bất kỳ, một Bên sẽ gửi thông báo việc chấp dứt hợp đồng bằng văn bản cho Bên kia và việc chấm dứt sẽ có hiệu lực 7 ngày sau khi Bên kia nhận được thông báo.

14.4. Thanh toán khi xảy ra bất khả kháng.

Các khoản chi phí phát sinh hợp lý do Bên B phải chịu hậu quả bất khả kháng để phục hồi hoạt động được Bên A xem xét để thanh toán.

Điều 15. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

15.1. Tạm ngừng công việc bởi Bên A

Nếu Bên B không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Bên A có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Bên B, Bên A phải nêu rõ phần lỗi của Bên B và yêu cầu Bên B phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên A do tạm ngừng công việc.

15.2. Tạm ngừng công việc bởi Bên B

a) Nếu Bên A không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thoả thuận trong Hợp đồng này quá 10 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Bên A, Bên B có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Bên A thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, Bên B phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Bên B phải thông báo cho Bên A để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Bên A xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

15.3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng thì một Bên phải thông báo cho Bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai Bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

Điều 16. Chấm dứt hợp đồng

16.1. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A

a) Bên B không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Bên B không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 10 ngày mà Bên A có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A về sai sót đó.

b) Bên B không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 8 [Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng], hoặc 30 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.

c) Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Bên A.

d) Bên B bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản,

16.2. Chấm dứt hợp đồng bởi Bên B

Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Bên A tối thiểu là 10 ngày trong các trường hợp sau đây:

a) Sau 30 ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của Bên A.

b) Bên A không thanh toán cho Bên B theo Hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 18 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp] sau 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Bên A bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản.

16.3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các Bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

16.4. Khi một trong hai Bên chấm dứt Hợp đồng, thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Bên B sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

16.5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 9 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác...).

Điều 17. Thưởng, phạt và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng

a) Thưởng Hợp đồng: Không.

b) Phạt vi phạm Hợp đồng

Vi phạm về thời gian thực hiện Hợp đồng: Phạt 2 % giá trị phần hợp đồng kinh tế bị vi phạm thời gian thực hiện cho 10 ngày lịch đầu tiên; phạt thêm từ 0.5% đến 1% cho mỗi đợt 10 ngày tiếp theo cho đến mức tổng số các lần phạt không quá 8% giá trị phần Hợp đồng kinh tế bị vi phạm ở thời điểm 10 ngày lịch đầu tiên; nếu hoàn toàn không thực hiện hợp đồng kinh tế đã ký thì bị phạt đến mức 12% giá trị Hợp đồng.

Điều 18.Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

Nếu có phát sinh tranh chấp giữa các Bên liên quan đến Hợp đồng này hoặc bất cứ vấn đề gì phát sinh, các Bên phải lập tức tiến hành thương lượng để giải quyết vấn đề một cách hữu hảo. Nếu thương lượng không có kết quả thì các bên sẽ đệ trình vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của Pháp luật. Quyết định của Trọng tài hoặc Tòa án nhân dân là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các Bên.

Điều 19. Quyết toán Hợp đồng

19.1. Quyết toán Hợp đồng

Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc Tư vấn theo Hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư rằng Nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo qui định của Hợp đồng, Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư 06 bộ tài liệu quyết toán Hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

a) Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc Tư vấn.

b) Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).

Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu.

Và các tài liệu các theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy định về Quản lý dự án

đầu tư xây dựng công trình của Sở văn hóa và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán Hợp đồng, Nhà thầu sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai Bên. Nhà thầu sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai Bên đã thống nhất.

Sau khi hai Bên đã thống nhất tài liệu quyết toán, Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của Hợp đồng cho Nhà thầu.

19.2. Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 16 [Chấm dứt Hợp đồng].

Điều 20. Điều khoản chung

Các Bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của Hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký kết.

Hợp đồng này bao gồm 09 trang, và được lập thành 02 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 01 bản, Nhà thầu sẽ giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
CHỦ ĐẦU TƯ	**CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG THIỆN NGUYỄN**
	Giám đốc
Đoàn Thị Thu Hường	**Phạm Lê Nhân**

1083

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thành phố Thủ Đức, ngày 29 tháng 6 năm 2021

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Số: 1887 /GPXD

1. Cấp cho: **Bà TRẦN THỊ THU VÂN.**

Địa chỉ: **3A Tô Vĩnh Diện, khu phố 4, phường Linh Chiểu, thành phố Thủ Đức** *(được sắp xếp từ Quận 2, Quận 9, Quận Thủ Đức theo Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội).*

2. Được phép xây dựng công trình: **Nhà ở riêng lẻ**

- Theo thiết kế ký hiệu: BVXPXD ngày 12 tháng 6 năm 2021.
- Do: **Công ty TNHH Đo Đạc Thiết Kế Xây dựng AH** lập.
- Gồm các nội dung sau:
- Vị trí xây dựng: **Thửa 512, tờ bản đồ 102, tài liệu 2003, phường Long Bình, tọa độ** (X=1200020.666; Y=619541.167).
- Địa chỉ: **Phường Long Bình, thành phố Thủ Đức** *(được sắp xếp từ Quận 2, Quận 9, Quận Thủ Đức theo Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội).*

+ Cốt nền xây dựng công trình: **0,75m so với mặt hẻm hiện hữu**

+ Mật độ xây dựng: **23,44%**, hệ số sử dụng đất: **0,46**

+ Màu sắc công trình: //

+ Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: **Theo bản vẽ Thiết kế do Công ty TNHH Đo Đạc Thiết Kế Xây dựng AH** lập.

+ Diện tích xây dựng tầng 1: **110,60m²**

+ Tổng diện tích sàn : **215,70m²**

+ Chiều cao công trình : **11,10m.**

+ Số tầng: **02 tầng**

3. Giấy tờ về quyền sử dụng đất:

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và và tài sản khác gắn liền với đất số CY 335589 (Số vào sổ cấp GCN: CH 05223) do Ủy ban nhân dân Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức) cấp ngày 30 tháng 12 năm 2020.
- Giấy cam kết đảm bảo an toàn cho các công trình liền kề do Văn phòng Công chứng Nguyễn Điệp chứng thực số 2255, quyển số 6-SCT/CK,CĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021.

4. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn **12** tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì chủ đầu tư phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng./.

(xem tiếp trang sau)

Nơi nhận:
- Bà Trần Thị Thu Vân;
- Đội TT địa bàn thành phố Thủ Đức (bản sao);
- UBND Phường Long Bình (bản sao);
- Lưu: VT, (C02)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 07 năm 2021

HỢP ĐỒNG

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG VÀ DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Số: 0107/2021/HĐKT

Giữa

BÀ: TRẦN THỊ THU VÂN

Và

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG THIỆN NGUYỄN

Gói Thầu	: Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình
Công Trình	: Nhà ở riêng lẻ.
Hạng mục	: Xây mới
Địa điểm XD	: 272/8 Đường số 3, KP Phước Thiện, Phường Long Bình, TP. Hồ Chí Minh.

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014;
- Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về việc Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ về việc qui định chi tiết về Hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ thông tư số 16/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ vào nhu cầu khả năng của các bên.
- Căn cứ giấy phép xây dựng Số: 1887/GPXD được cấp bởi UBND TP Thủ Đức ngày 29/06/2021.

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 01 tháng 07 năm 2021 tại văn phòng công ty Thiện Nguyễn, chúng tôi gồm các bên dưới đây :

1/ ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ (Bên A):

- Ông(Bà) : **TRẦN THỊ THU VÂN**
- Địa chỉ : 3ª Tô Vĩnh Diện, KP 4, Phường Linh Chiểu, TP. Thủ Đức
- Điện thoại : 093 812 0228

- 2/ NHÀ THẦU (Bên B):

- Tên đơn vị : **CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG THIỆN NGUYỄN**
- Địa chỉ : 32D Lâm Hoành, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. HCM
- Đại diện : **Ông PHẠM LÊ NHÂN**
- Chức vụ : Giám đốc
- Điện thoại : 028.6266 1080 Fax: 028.6266 1081
- Email : thiennguyendeco@gmail.com
- Tài khoản : Số 33696938 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB) – Phòng giao dịch Lê Trọng Tấn.
- Mã số thuế : 0315787260

Chủ đầu tư và Nhà thầu được gọi riêng là **Bên** và gọi chung là **Các Bên**.

Các Bên tại đây thống nhất thoả thuận như sau:

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT
HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU:

Điều 1.Các định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ trong Hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1.1. "Chủ đầu tư" bà TRẦN THỊ THU VÂN.

1.2. "Nhà thầu" Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Thiện Nguyễn.

1.3. "Công trình" Nhà ở riêng lẻ.

1.4. "Gói thầu" Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình.

1.5. Đại diện Đơn vị giao thầu gọi tắt là Bên A là người được chủ đầu tư nêu ra trong Hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Bên A điều hành công việc.

1.6. Đại diện Đơn vị nhận thầu gọi tắt là Bên B là người được Nhà thầu nêu ra trong Hợp đồng hoặc được chỉ định và thay mặt Bên B điều hành công việc.

1.7. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên].

1.8. Bên là Bên A hoặc Bên B tuỳ theo hoàn cảnh cụ thể.

1.9. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

1.10.Ngày làm việc là ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.

1.11.Bất khả kháng được định nghĩa tại Điều 14 [Rủi ro và bất khả kháng]

1.12.Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ Hợp đồng bao gồm các căn cứ ký kết hợp đồng; các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này và các tài liệu tại khoản 2.2 dưới đây.

2.2. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng, bao gồm các căn cứ ký kết hợp đồng, điều khoản và điều kiện của hợp đồng này và các tài liệu sau:

2.3. Căn cứ giấy phép xây dựng Số: 1887/GPXD được cấp bởi UBND TP Thủ Đức ngày 29/06/2021 V/v Chỉ định Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Thiện Nguyễn thực hiện Tư vấn Thiết kế BVTC và Dự toán XDCT, Công trình: Nhà ở riêng lẻ, Hạng mục: Xây dựng mới;

- Các phụ lục bổ sung trong quá trình thực hiện hợp đồng.

Điều 3. Trao đổi thông tin

3.1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng.

3.2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 4. Luật và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

4.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

4.2. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 5. Nội dung và khối lượng công việc Thiết kế BVTC và dự toán xây dựng công trình

Nội dung và khối lượng công việc Nhà thầu thực hiện được thể hiện cụ thể trong các biên bản đàm phán hợp đồng giữa các Bên bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

5.1. Thiết kế BVTC và dự toán xây dựng công trình gồm Bản vẽ thiết kế và Dự toán xây

dựng công trình, đảm bảo phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn và qui định của pháp luật về xây dựng.

5.2. Tham gia các cuộc họp có liên quan tới sản phẩm tư vấn xây dựng khi Chủ đầu tư yêu cầu trong quá trình triển khai thực hiện.

5.3. Giám sát tác giả và làm rõ thiết kế, sửa đổi thiết kế (nếu có) trong quá trình thi công xây dựng công trình.

Điều 6. Giám sát tác giả đối với tư vấn Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình

Bên B phải cử người đủ năng lực để thực hiện việc giám sát tác giả trong quá trình thi công xây dựng công trình, cụ thể như sau:

6.1. Bên B có trách nhiệm giải thích và làm rõ các tài liệu thiết kế công trình cho Bên A, các Nhà thầu khác để quản lý và thi công theo đúng thiết kế.

6.2. Sửa đổi thiết kế đối với những nội dung chưa phù hợp với tiêu chuẩn, điều kiện thực tế của công trình.

6.3. Khi phát hiện thi công sai với thiết kế, người giám sát tác giả phải ghi nhật ký giám sát và yêu cầu nhà thầu thi công thực hiện đúng thiết kế. Trong trường hợp không khắc phục được Nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Bên A.

6.4. Bên B có trách nhiệm tham gia nghiệm thu công trình xây dựng khi có yêu cầu của Bên A.

6.5. Qua giám sát tác giả, nếu phát hiện công trình xây dựng không đủ điều kiện nghiệm thu thì Bên B phải có văn bản gửi Bên A nêu rõ lý do từ chối nghiệm thu.

6.6. Trong quá trình thi công, nếu thiết kế không phù hợp, phải điều chỉnh lại so với thiết kế ban đầu.

Điều 7. Nghiệm thu sản phẩm

Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn Thiết kế BVTC và Dự toán lập xây dựng công trình

7.1 . Hợp đồng tư vấn Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình.

7.2. Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng.

7.3. Hồ sơ Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng gồm Bản vẽ thiết kế và Dự toán xây dựng công trình (tổng mức đầu tư).

7.4. Số lượng hồ sơ bao gồm bản vẽ thiết kế và dự toán được lập là 06 bộ.

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng

8.1. Tiến độ và thời gian thực hiện Hợp đồng là **40** ngày kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực, bao gồm cả ngày lễ, tết và ngày nghỉ *(thời gian trên không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng)*.

8.2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp bên B hoặc Bên A gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một Bên, Bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các Bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng

8.3. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu.

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

9.1. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

9.2. Giá hợp đồng:

- Giá trị hợp đồng Căn cứ giấy phép xây dựng Số: 1887/GPXD được cấp bởi UBND TP Thủ Đức ngày 29/06/2021 V/v Chỉ định Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Thiện Nguyễn thực hiện Tư vấn Thiết kế BVTC và Dự toán XDCT, Công trình: Nhà ở riêng lẻ, Hạng mục: Xây dựng mới; là: **35.590.500** đồng *(Bằng chữ: Ba mươi lăm triệu, năm trăm chín mươi ngàn năm trăm đồng).* Đã bao gồm thuế giá trị gia tăng VAT.

Nội dung của giá Hợp đồng

* Giá Hợp đồng trọn gói dịch vụ Thiết kế BVTC và dự toán xây dựng công trình nêu trên đã bao gồm:

- Chi phí chuyên gia, chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí khác, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp và thuế giá trị gia tăng.
- Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.
- Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của chủ đầu tư, xử lý vướng mắc trong Hồ sơ thiết kế đối với tư vấn Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình.
- Chi phí khác có liên quan.

* Giá hợp đồng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của Chủ đầu tư để xem xét các đề nghị của Nhà thầu.
- Chi phí lấy ý kiến, thẩm tra, phê duyệt...

9.3. **Tiến độ thanh toán**

Sau khi có quyết định phê duyệt Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công và Dự toán xây dựng công trình của cấp có thẩm quyền, Bên B gửi Giấy đề nghị thanh toán cho Bên A, và Bên A sẽ thanh toán cho Bên B đến 90% giá trị Hợp đồng.

Sau khi Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, Bên B hoàn thành tất cả các công việc theo nghĩa vụ ghi trong Hợp đồng và giá trị Quyết toán gói thầu Tư vấn Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình được Chủ đầu tư chấp thuận, Hai Bên tiến hành thanh lý hợp đồng, Bên B gửi Giấy đề nghị thanh toán cho Bên A, Bên A sẽ thanh toán số tiền còn lại của Hợp đồng cho Bên B. Sau khi nhận được giấy đề nghị thanh toán của Bên B.

9.4. **Hồ sơ thanh toán**:

- Theo đúng thủ tục về Quản lý đầu tư xây dựng công trình hiện hành có liên quan.
- Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

Điều 10. Điều chỉnh giá hợp đồng

Giá hợp đồng được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

10.1. Phát sinh khối lượng công việc ngoài phạm vi Hợp đồng.

10.2. Do nguyên nhân bất khả kháng quy định tại Điều 14 [Rủi ro và bất khả kháng] ảnh hưởng tới giá Hợp đồng.

10.3. Chi phí cho những công việc phát sinh: Được xác định trên cơ sở khối lượng công việc phát sinh và đơn giá trong hợp đồng hoặc đơn giá được xác định trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Xây dựng và các thỏa thuận của Hợp đồng này.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ

11.1. Quyền của Bên B:

a) Yêu cầu Bên A cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến tư vấn xây dựng.

b) Đề xuất các công việc thay đổi khi phát hiện yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng.

c) Quyền tác giả đối với thiết kế công trình.

d) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Bên A.

e) Được quyền yêu cầu Bên A thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

11.2. Nghĩa vụ của Bên B:

a) Đảm bảo rằng tất cả các công việc Bên B thực hiện theo Hợp đồng này phải phù hợp với luật pháp của Việt Nam.

b) Thực hiện tư vấn Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình theo đúng nội dung và khối lượng công việc đã thoả thuận và tuân thủ các quy định về việc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn của Việt Nam.

c) Thực hiện và chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình.

d) Nộp cho Bên A các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng.

đ) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn xây dựng. Bên B có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Bên A tổ chức.

e) Bên B sắp xếp, bố trí nhân lực của mình để thực hiện công việc tư vấn.

f) Phải cam kết khi có yêu cầu của Bên A, Bên B sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Bên A (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu và bàn giao hồ sơ lập Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình.

g) Tuân thủ sự chỉ đạo và hướng dẫn của Bên A, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

h) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của Bên A.

i) Tất cả sản phẩm cuối cùng khi bàn giao cho Bên A phải phù hợp với Hợp đồng, có đủ căn cứ pháp lý và được Bên A nghiệm thu. Sản phẩm giao nộp cuối cùng theo Hợp đồng sẽ là tài sản của Bên A.

k) Bên B không được tiết lộ bất kỳ thông tin bí mật hay độc quyền nào liên quan đến công việc tư vấn, Hợp đồng hay các hoạt động công việc của Bên A khi chưa được Bên A đồng ý và chấp thuận trước bằng văn bản.

l) Bên B phải tự thu xếp phương tiện đi lại, chỗ ăn ở khi phải làm việc xa trụ sở của mình.

m) Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Bên A về quan hệ giao dịch, thực hiện công việc và thanh toán, quyết toán theo Hợp đồng với Bên A.

n) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

11.3. Quyền của Bên A:

a) Sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình theo Hợp đồng.

b) Không nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo Hợp đồng.

c) Kiểm tra công việc tư vấn của Nhà thầu nếu thấy cần thiết.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn.

đ) Đình chỉ thực hiện hoặc yêu cầu chấm dứt Hợp đồng theo quy định.

11.4. Nghĩa vụ của Bên A:

a) Tạo điều kiện tốt nhất để Bên B thực hiện công việc tư vấn.

b) Hướng dẫn Bên B về những nội dung liên quan đến Dự án; Tạo điều kiện để Bên B được tiếp cận với công trình, thực địa.

c) Cung cấp các tài liệu cần thiết theo đề xuất của Bên B để Bên B thực hiện công việc tư vấn. Bên A chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp.

d) Xem xét yêu cầu, đề xuất của Bên B liên quan đến thực hiện công việc tư vấn và phê duyệt trong một khoảng thời gian hợp lý để không làm chậm tiến độ thực hiện tư vấn xây dựng.

đ) Thanh toán cho Bên B toàn bộ giá hợp đồng theo đúng các qui định được thoả thuận trong Hợp đồng này.

Điều 12. Nhân lực của Bên B

12.1. Nhân lực của Bên B phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn.

12.2. Bên B tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Bên B không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 13. Bảo hiểm

Bên B phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo qui định.

Điều 14. Rủi ro và bất khả kháng

14.1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện Hợp đồng. Các bên phải đánh giá các nguy cơ rủi ro.

14.2. Bất khả kháng là sự kiện rủi ro không thể chống đỡ nổi khi nó xảy ra như: Động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất hay hoạt động núi lửa, chiến tranh, dịch bệnh.

14.3. Các biện pháp thực hiện trong tình trạng bất khả kháng.

a) Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiến hành các biện pháp để hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng với thời gian sớm nhất và phải thông báo cho bên kia biết sự kiện bất khả kháng vào thời gian sớm nhất.

b) Các Bên sẽ thực hiện mọi biện pháp để giảm tối đa mức thiệt hại do sự kiện bất khả kháng gây ra.

c) Trong trường hợp xảy ra bất khả kháng, các Bên sẽ gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng tương ứng bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

d) Nếu trường hợp bất khả kháng xảy ra mà mọi nỗ lực của một Bên hoặc các Bên không đem lại kết quả và buộc phải chấm dứt công việc tại một thời điểm bất kỳ, một Bên sẽ gửi thông báo việc chấp dứt hợp đồng bằng văn bản cho Bên kia và việc chấm dứt sẽ có hiệu lực 7 ngày sau khi Bên kia nhận được thông báo.

14.4. Thanh toán khi xảy ra bất khả kháng.

Các khoản chi phí phát sinh hợp lý do Bên B phải chịu hậu quả bất khả kháng để phục

hồi hoạt động được Bên A xem xét để thanh toán.

Điều 15. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

15.1. Tạm ngừng công việc bởi Bên A

Nếu Bên B không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Bên A có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Bên B, Bên A phải nêu rõ phần lỗi của Bên B và yêu cầu Bên B phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên A do tạm ngừng công việc.

15.2. Tạm ngừng công việc bởi Bên B

a) Nếu Bên A không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thoả thuận trong Hợp đồng này quá 10 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Bên A, Bên B có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Bên A thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, Bên B phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Bên B phải thông báo cho Bên A để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Bên A xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

15.3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng thì một Bên phải thông báo cho Bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai Bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

Điều 16. Chấm dứt hợp đồng

16.1. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A

a) Bên B không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Bên B không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 10 ngày mà Bên A có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A về sai sót đó.

b) Bên B không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 8 [Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng], hoặc 30 ngày liên tục không thực hiện công việc theo Hợp đồng.

c) Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Bên A.

d) Bên B bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản,

16.2. Chấm dứt hợp đồng bởi Bên B

Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Bên A tối thiểu là 10 ngày trong các trường hợp sau đây:

a) Sau 30 ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của Bên A.

b) Bên A không thanh toán cho Bên B theo Hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 18 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp] sau 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Bên A bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản.

16.3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các Bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

16.4. Khi một trong hai Bên chấm dứt Hợp đồng, thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Bên B sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

16.5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 9 [Giá hợp

đồng, tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác...).

Điều 17. Thưởng, phạt và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng

a) Thưởng Hợp đồng: Không.

b) Phạt vi phạm Hợp đồng

Vi phạm về thời gian thực hiện Hợp đồng: Phạt 2 % giá trị phần hợp đồng kinh tế bị vi phạm thời gian thực hiện cho 10 ngày lịch đầu tiên; phạt thêm từ 0.5% đến 1% cho mỗi đợt 10 ngày tiếp theo cho đến mức tổng số các lần phạt không quá 8% giá trị phần Hợp đồng kinh tế bị vi phạm ở thời điểm 10 ngày lịch đầu tiên; nếu hoàn toàn không thực hiện hợp đồng kinh tế đã ký thì bị phạt đến mức 12% giá trị Hợp đồng.

Điều 18.Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

Nếu có phát sinh tranh chấp giữa các Bên liên quan đến Hợp đồng này hoặc bất cứ vấn đề gì phát sinh, các Bên phải lập tức tiến hành thương lượng để giải quyết vấn đề một cách hữu hảo. Nếu thương lượng không có kết quả thì các bên sẽ đệ trình vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của Pháp luật. Quyết định của Trọng tài hoặc Tòa án nhân dân là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các Bên.

Điều 19. Quyết toán Hợp đồng

19.1. Quyết toán Hợp đồng

Trong vòng 10 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc Tư vấn theo Hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư rằng Nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo qui định của Hợp đồng, Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư 06 bộ tài liệu quyết toán Hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

a) Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc Tư vấn.

b) Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).

Bảng tính giá trị quyết toán Hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu.

Và các tài liệu các theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy định về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình của Sở văn hóa và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh.

Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán Hợp đồng, Nhà thầu sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai Bên. Nhà thầu sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai Bên đã thống nhất.

Sau khi hai Bên đã thống nhất tài liệu quyết toán, Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của Hợp đồng cho Nhà thầu.

19.2. Việc thanh lý Hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 16 [Chấm dứt Hợp đồng].

Điều 20. Điều khoản chung

Các Bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của Hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký kết.

Hợp đồng này bao gồm 09 trang, và được lập thành 02 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 01 bản, Nhà thầu sẽ giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
CHỦ ĐẦU TƯ	**CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG THIỆN NGUYỄN**
	Giám đốc
Trần Thị Thu Vân	**Phạm Lê Nhân**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 07 tháng 06 năm 2021

HỢP ĐỒNG

Tư vấn thiết kế BVTC, lập dự toán công trình

Số: 04/2021/HĐ-TK

Công trình: Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh
Hạng mục: Nâng cấp 2 phòng trình chiếu tư liệu của Bảo tàng
Địa điểm: 97A Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

giữa

BẢO TÀNG MỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

và

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG THIỆN NGUYỄN

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

- Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

- Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính Phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu Thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18/09/2017 của Bộ Tài Chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất;

- Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng tư vấn xây dựng;

- Căn cứ Quyết định số 245/QĐ-SVHTT ngày 12/03/2021 của Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

- Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 07/06/2021 về việc ký kết hợp đồng giao nhận thầu Gói thầu tư vấn Thiết kế BVTC, lập dự toán công trình: Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh, hạng mục: Nâng cấp 2 phòng trình chiếu tư liệu của Bảo tàng giữa Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH Thiết Kế Xây Dựng Thiện Nguyễn;

- Căn cứ Quyết định số: 94B/QĐ-BTMT ngày 07/06/2021 của Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt chỉ định thầu gói thầu tư vấn Thiết kế BVTC, lập dự toán công trình: Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh, hạng mục: Nâng cấp 2 phòng trình chiếu tư liệu của Bảo tàng.

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 07 tháng 06 năm 2021 tại Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

Chủ đầu tư (gọi tắt là bên A):

- Tên đơn vị: **Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh**
- Đại diện: Ông **Trần Thanh Bình** Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Số 97A Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM.
- Điện thoại: 38294441 - 38216452
- Mã số thuế: 0302713550
- Tài khoản: Số 9527.2.1013247 Tại Kho Bạc Nhà Nước Quận 1.

Nhà thầu (gọi tắt là bên B):

- Tên đơn vị: **Công ty TNHH Thiết Kế Xây Dựng Thiện Nguyễn.**
- Đại diện: Ông **Phạm Lê Nhân** Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Số 32D Lâm Hoành, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP.HCM.
- Điện thoại: 0907565758
- Tài khoản: Số 33696938 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB) – Phòng giao dịch Lê Trọng Tấn.
- Mã số thuế: 0315787260
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0315787260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/07/2019.

Các bên thống nhất thỏa thuận như sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh.

2. Nhà thầu là Công ty TNHH Thiết Kế Xây Dựng Thiện Nguyễn.

3. Dự án là Đầu tư xây dựng công trình: Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh, hạng mục: Nâng cấp 2 phòng trình chiếu tư liệu của Bảo tàng.

4. Công trình là Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh, hạng mục: Nâng cấp 2 phòng trình chiếu tư liệu của Bảo tàng.

5. Gói thầu là tư vấn Thiết kế, lập dự toán công trình: Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh, hạng mục: Nâng cấp 2 phòng trình chiếu tư liệu của Bảo tàng.

6. Đại diện Chủ đầu tư là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Chủ đầu tư điều hành công việc.

7. Đại diện nhà thầu là người được nhà thầu nêu ra trong hợp đồng hoặc được nhà thầu chỉ định và thay mặt nhà thầu điều hành công việc.

8. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên].

9. Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tùy theo hoàn cảnh cụ thể.

10. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

11. Ngày làm việc là ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.

12. Bất khả kháng được định nghĩa tại Điều 14 [Rủi ro và bất khả kháng].

17. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn xây dựng và các tài liệu tại Khoản 2 dưới đây.

2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

a) Văn bản thông báo trúng thầu hoặc chỉ định thầu;

b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng hoặc điều khoản tham chiếu đối với hợp đồng tư vấn xây dựng;

c) Điều kiện chung của hợp đồng;

d) Các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật;

đ) Biên bản đàm phán hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng;

e) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 3. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 4. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

2. Ngôn ngữ của hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 5. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn Thiết kế, lập dự toán công trình

1. Nội dung và khối lượng công việc nhà thầu thực hiện bao gồm các công việc chủ yếu

a) Khảo sát hiện trạng công trình để lập thiết kế.

b) Lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán công trình đảm bảo phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn và qui định của pháp luật về xây dựng.

c) Tham gia các cuộc họp có liên quan tới sản phẩm tư vấn xây dựng khi Chủ đầu tư yêu cầu trong quá trình triển khai thực hiện.

d) Giám sát tác giả và làm rõ thiết kế, sửa đổi thiết kế (nếu có) trong quá trình thi công xây dựng công trình.

2. Nhà thầu cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn Thiết kế, lập dự toán công trình bao gồm:

a) Sản phẩm của hợp đồng tư vấn Thiết kế, lập dự toán bao gồm: hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán công trình.

b) Bản vẽ phải thể hiện chi tiết tất cả các bộ phận của công trình, các cấu tạo với đầy đủ các kích thước, vật liệu và thông số kỹ thuật để thi công công trình và đủ điều kiện để lập dự toán thi công xây dựng công trình.

c) Dự toán xây dựng công trình (tổng mức đầu tư) phải được lập phù hợp với thiết kế, các chế độ, chính sách quy định về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và mặt bằng giá xây dựng công trình.

d) Nhà thầu tư vấn phải nêu rõ yêu cầu kỹ thuật cụ thể, tiêu chuẩn thiết kế, thi công, lắp đặt và nghiệm thu cho tất cả các loại vật tư, vật liệu, thiết bị sử dụng cho công trình.

đ) Nhà thầu tư vấn không được tự ý chỉ định tên nhà sản xuất, nơi sản xuất, nhà cung ứng các loại vật tư, vật liệu, thiết bị trong hồ sơ thiết kế.

Điều 6. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng phải được bên nhận thầu hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng.

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng là **08 bộ**.

Điều 7. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn Thiết kế, lập dự toán công trình:

a) Hợp đồng giao nhận thầu tư vấn Thiết kế, lập dự toán công trình;

b) Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng;

c) Hồ sơ tư vấn gồm: hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán công trình.

2. Nghiệm thu sản phẩm sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư căn cứ vào hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ

chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng nhà thầu phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thoả thuận trong hợp đồng.

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

1. Thời gian thực hiện hợp đồng là: **20 ngày** kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

3. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của nhà thầu.

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

1. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

2. Giá trị hợp đồng: 26.600.000 đồng.

(Bằng chữ: Hai mươi sáu triệu, sáu trăm ngàn đồng).

- Giá hợp đồng trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo hợp đồng, đến bản quyền, lợi nhuận của nhà thầu và tất cả các loại thuế liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật.

3. Nội dung của giá hợp đồng

a) Giá hợp đồng bao gồm:

- Chi phí chuyên gia, chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

- Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.

- Chi phí đi thực địa.

- Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của Chủ đầu tư, xử lý vướng mắc trong hồ sơ thiết kế đối với tư vấn thiết kế, lập dự toán.

- Chi phí giám sát tác giả.

- Chi phí khác có liên quan.

c) Giá hợp đồng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của Chủ đầu tư để xem xét các đề nghị của nhà thầu.

- Chi phí lấy ý kiến, thẩm tra, phê duyệt.

4. Tạm ứng: Không.

5. Thanh toán

- Bên B bàn giao hồ sơ tư vấn thiết kế, lập dự toán cho bên A, hai bên sẽ tiến hành nghiệm thu công việc tư vấn thiết kế, lập dự toán công trình.

- Việc thanh toán được chia làm hai lần:

Lần 1: Bên A thanh toán 80% giá trị khối lượng hoàn thành sau khi có Quyết định phê duyệt Thiết kế Bản vẽ thi công và dự toán xây dựng.

Lần 2: Bên A sẽ thanh toán 20% giá trị còn lại sau khi công trình được nghiệm thu bàn giao và đưa vào sử dụng.

- Bên A sẽ thanh toán cho bên B trong thời gian 7 ngày làm việc kể từ khi bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo quy định.

6. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

- Văn bản đề nghị thanh toán của nhà thầu.

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán.

7. Đồng tiền thanh toán: là đồng tiền Việt Nam.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu

1. Quyền của nhà thầu:

a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến tư vấn xây dựng.

b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.

d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).

đ) Được quyền yêu cầu bên giao thầu thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.

2. Nghĩa vụ của nhà thầu:

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Tham gia nghiệm thu công trình xây dựng cùng Chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, giám sát tác giả, trả lời các nội dung có liên quan đến hồ sơ thiết kế theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

c) Bảo quản và giao lại cho Chủ đầu tư những tài liệu và phương tiện làm việc do Chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

d) Thông báo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

đ) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của bên nhận thầu theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho bên nhận thầu trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của nhà thầu tư vấn để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm.

f) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

g) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

h) Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức.

i) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

k) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư cho tới ngày hoàn thành và bàn giao công trình.

l) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng theo đúng thỏa thuận của hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

m) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

n) Tham gia nghiệm thu các giai đoạn, nghiệm thu chạy thử thiết bị, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình và toàn bộ công trình khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.

o) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

1. Quyền của Chủ đầu tư:

a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng.

b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.

c) Kiểm tra chất lượng công việc của nhà thầu tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của nhà thầu tư vấn.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng

đ) Yêu cầu bên nhận thầu thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

a) Cung cấp cho nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.

c) Giải quyết kiến nghị của nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

d) Thanh toán đầy đủ cho nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

đ) Hướng dẫn nhà thầu tư vấn về những nội dung liên quan đến dự án; tạo điều kiện để bên nhận thầu được tiếp cận với công trình, thực địa.

e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với nhà thầu tư vấn.

g) Tạo điều kiện cho bên nhận thầu thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho nhà thầu tư vấn nếu bên giao thầu cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

Điều 12. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

1. Nhà thầu sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong hợp đồng mà không cần phải xin phép nhà thầu.

2. Nhà thầu phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do nhà thầu thực hiện và cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

3. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 13. Bảo hiểm

Nhà thầu phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 14. Rủi ro và bất khả kháng

1. Bất khả kháng khác trong hoạt động tư vấn xây dựng bao gồm các sự kiện sau: Khi thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng gặp hang caster, cổ vật, khảo cổ, túi bùn mà khi ký hợp đồng các bên chưa lường hết được.

2. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Bên nhận thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho bên giao thầu đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Bên giao thầu phải bồi thường những tổn hại cho bên nhận thầu đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

3. Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng

a) Nếu bên nhận thầu bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, bên nhận thầu sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

b) Bên giao thầu phải xem xét quyết định các đề nghị của bên nhận thầu.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

5. Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng, thanh toán, hết trách nhiệm

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, bên giao thầu sẽ phải thanh toán cho bên nhận thầu:

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được thực hiện mà giá đã được nêu trong hợp đồng.

- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho bên nhận thầu, hoặc những thứ bên nhận thầu có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của bên giao thầu khi đã được bên giao thầu thanh toán và bên nhận thầu sẽ để cho bên giao thầu sử dụng.

Điều 15. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi Chủ đầu tư

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu, Chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi nhà thầu

a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 05 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Điều 16. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau 05 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng nếu:

a) Nhà thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà nhà thầu không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 05 ngày mà Chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót đó.

b) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 8 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng], hoặc 05 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

c) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư.

d) Nhà thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

e) Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 18 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

f) Nhà thầu cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư.

h) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 14 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể thuê các nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các nhà thầu này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi nhà thầu

Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 05 ngày trong các trường hợp sau đây:

a) Sau 05 ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư.

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho nhà thầu theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 18 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp] sau 20 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 18 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà nhà thầu không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 05 ngày.

đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ Điều Khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng, thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, nhà thầu sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 9 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác, ...).

Điều 17. Thưởng, phạt và trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

1. Thưởng hợp đồng: Không.

2. Phạt vi phạm hợp đồng:

- Đối với nhà thầu: Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng 10 ngày thì phạt 5% giá hợp đồng cho 10 ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12 % giá trị hợp đồng bị vi phạm.

- Đối với Chủ đầu tư: Nếu thanh toán chậm cho nhà thầu theo quy định tại Điều 9 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] thì phải bồi thường cho nhà thầu theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do Ngân hàng thương mại mà nhà thầu mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Chủ đầu tư đã thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.

Điều 18. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 05 ngày. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 05 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 05 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các Điều Khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 19. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Quyết toán hợp đồng:

Trong vòng 07 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư rằng nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng, nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư 06 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

a) Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.

b) Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).

c) Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho nhà thầu.

Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng nhà thầu chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, nhà thầu sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

Sau khi hai bên đã thống nhất tài liệu quyết toán, Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị của hợp đồng cho nhà thầu.

2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 16 [Chấm dứt hợp đồng].

Điều 20. Điều khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các Điều Khoản, quy định và Điều kiện của hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các Điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng này bao gồm 14 trang, được lập thành 06 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 04 bản, nhà thầu sẽ giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU**
Giám đốc	**Giám đốc**
SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH BẢO TÀNG MỸ THUẬT	M.S.D.N:0315787260-C.T.N.H.H CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG THIỆN NGUYÊN Q.BÌNH TÂN - T.P HỒ CHÍ MINH
Trần Thanh Bình	**Phạm Lê Nhân**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 01 tháng 06 năm 2021

HỢP ĐỒNG

Tư vấn thiết kế BVTC, lập dự toán công trình

Số: 02/2021/HĐ-TK

Công trình: Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh
Hạng mục: Sơn sửa hàng rào giáp đường Phó Đức Chính
Địa điểm: 97A Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

giữa

BẢO TÀNG MỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

và

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG THIỆN NGUYỄN

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

- Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

- Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính Phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu Thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18/09/2017 của Bộ Tài Chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất;

- Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng tư vấn xây dựng;

- Căn cứ Quyết định số 245/QĐ-SVHTT ngày 12/03/2021 của Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

- Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 01/06/2021 về việc ký kết hợp đồng giao nhận thầu Gói thầu tư vấn Thiết kế BVTC, lập dự toán công trình: Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh, hạng mục: Sơn sửa hàng rào giáp đường Phó Đức Chính giữa Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH Thiết Kế Xây Dựng Thiện Nguyễn;

- Căn cứ Quyết định số: 85A / QĐ-BTMT ngày 01/06/2021 của Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt chỉ định thầu gói thầu tư vấn Thiết kế BVTC, lập dự toán công trình: Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh, hạng mục: Sơn sửa hàng rào giáp đường Phó Đức Chính.

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 01 tháng 06 năm 2021 tại Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

Chủ đầu tư (gọi tắt là bên A):

- Tên đơn vị: **Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh**
- Đại diện: Ông **Trần Thanh Bình** Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Số 97A Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM.
- Điện thoại: 38294441 - 38216452
- Mã số thuế: 0302713550
- Tài khoản: Số 9527.2.1013247 Tại Kho Bạc Nhà Nước Quận 1.

Nhà thầu (gọi tắt là bên B):

- Tên đơn vị: **Công ty TNHH Thiết Kế Xây Dựng Thiện Nguyễn.**
- Đại diện: Ông **Phạm Lê Nhân** Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Số 32D Lâm Hoành, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP.HCM.
- Điện thoại: 0907565758
- Tài khoản: Số 33696938 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB) – Phòng giao dịch Lê Trọng Tấn.
- Mã số thuế: 0315787260
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0315787260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/07/2019.

Các bên thống nhất thỏa thuận như sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh.

2. Nhà thầu là Công ty TNHH Thiết Kế Xây Dựng Thiện Nguyễn.

3. Dự án là Đầu tư xây dựng công trình: Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh, hạng mục: Sơn sửa hàng rào giáp đường Phó Đức Chính.

4. Công trình là Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh, hạng mục: Sơn sửa hàng rào giáp đường Phó Đức Chính.

5. Gói thầu là tư vấn Thiết kế BVTC, lập dự toán công trình: Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh, hạng mục: Sơn sửa hàng rào giáp đường Phó Đức Chính.

6. Đại diện Chủ đầu tư là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Chủ đầu tư điều hành công việc.

7. Đại diện nhà thầu là người được nhà thầu nêu ra trong hợp đồng hoặc được nhà thầu chỉ định và thay mặt nhà thầu điều hành công việc.

8. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên].

9. Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tùy theo hoàn cảnh cụ thể.

10. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

11. Ngày làm việc là ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.

12. Bất khả kháng được định nghĩa tại Điều 14 [Rủi ro và bất khả kháng].

17. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn xây dựng và các tài liệu tại Khoản 2 dưới đây.

2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

a) Văn bản thông báo trúng thầu hoặc chỉ định thầu;

b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng hoặc điều khoản tham chiếu đối với hợp đồng tư vấn xây dựng;

c) Điều kiện chung của hợp đồng;

d) Các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật;

đ) Biên bản đàm phán hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng;

e) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 3. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 4. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

2. Ngôn ngữ của hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 5. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn Thiết kế BVTC, lập dự toán công trình

1. Nội dung và khối lượng công việc nhà thầu thực hiện bao gồm các công việc chủ yếu sau:

a) Khảo sát hiện trạng công trình để lập thiết kế BVTC.

b) Lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán công trình đảm bảo phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn và qui định của pháp luật về xây dựng.

c) Tham gia các cuộc họp có liên quan tới sản phẩm tư vấn xây dựng khi Chủ đầu tư yêu cầu trong quá trình triển khai thực hiện.

d) Giám sát tác giả và làm rõ thiết kế, sửa đổi thiết kế (nếu có) trong quá trình thi công xây dựng công trình.

2. Nhà thầu cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn Thiết kế BVTC, lập dự toán công trình bao gồm:

a) Sản phẩm của hợp đồng tư vấn Thiết kế BVTC, lập dự toán bao gồm: hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán công trình.

b) Bản vẽ phải thể hiện chi tiết tất cả các bộ phận của công trình, các cấu tạo với đầy đủ các kích thước, vật liệu và thông số kỹ thuật để thi công công trình và đủ điều kiện để lập dự toán thi công xây dựng công trình.

c) Dự toán xây dựng công trình (tổng mức đầu tư) phải được lập phù hợp với thiết kế, các chế độ, chính sách quy định về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và mặt bằng giá xây dựng công trình.

d) Nhà thầu tư vấn phải nêu rõ yêu cầu kỹ thuật cụ thể, tiêu chuẩn thiết kế, thi công, lắp đặt và nghiệm thu cho tất cả các loại vật tư, vật liệu, thiết bị sử dụng cho công trình.

đ) Nhà thầu tư vấn không được tự ý chỉ định tên nhà sản xuất, nơi sản xuất, nhà cung ứng các loại vật tư, vật liệu, thiết bị trong hồ sơ thiết kế.

Điều 6. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng phải được bên nhận thầu hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng.

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng là **08 bộ**.

Điều 7. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn Thiết kế BVTC, lập dự toán công trình:

a) Hợp đồng giao nhận thầu tư vấn Thiết kế BVTC, lập dự toán công trình;

b) Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng;

c) Hồ sơ tư vấn gồm: hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán công trình.

2. Nghiệm thu sản phẩm sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư căn cứ vào hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ

chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng nhà thầu phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thoả thuận trong hợp đồng.

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

1. Thời gian thực hiện hợp đồng là: **20 ngày** kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

3. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của nhà thầu.

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

1. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

2. Giá trị hợp đồng: 26.700.000 đồng.

(Bằng chữ: Hai mươi sáu triệu, bảy trăm ngàn đồng).

- Giá hợp đồng trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo hợp đồng, đến bản quyền, lợi nhuận của nhà thầu và tất cả các loại thuế liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật.

3. Nội dung của giá hợp đồng

a) Giá hợp đồng bao gồm:

- Chi phí chuyên gia, chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

- Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.

- Chi phí đi thực địa.

- Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của Chủ đầu tư, xử lý vướng mắc trong hồ sơ thiết kế đối với tư vấn thiết kế, lập dự toán.

- Chi phí giám sát tác giả.

- Chi phí khác có liên quan.

c) Giá hợp đồng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của Chủ đầu tư để xem xét các đề nghị của nhà thầu.

- Chi phí lấy ý kiến, thẩm tra, phê duyệt.

4. Tạm ứng: Không.

5. Thanh toán

- Bên B bàn giao hồ sơ tư vấn thiết kế BVTC, lập dự toán cho bên A, hai bên sẽ tiến hành nghiệm thu công việc tư vấn thiết kế BVTC, lập dự toán công trình.

- Việc thanh toán được chia làm hai lần:

Lần 1: Bên A thanh toán 80% giá trị khối lượng hoàn thành sau khi có Quyết định phê duyệt Thiết kế Bản vẽ thi công và dự toán xây dựng.

Lần 2: Bên A sẽ thanh toán 20% giá trị còn lại sau khi công trình được nghiệm thu bàn giao và đưa vào sử dụng.

- Bên A sẽ thanh toán cho bên B trong thời gian 7 ngày làm việc kể từ khi bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo quy định.

6. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

- Văn bản đề nghị thanh toán của nhà thầu.

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán.

7. Đồng tiền thanh toán: là đồng tiền Việt Nam.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu

1. Quyền của nhà thầu:

a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến tư vấn xây dựng.

b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.

d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).

đ) Được quyền yêu cầu bên giao thầu thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.

2. Nghĩa vụ của nhà thầu:

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Tham gia nghiệm thu công trình xây dựng cùng Chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, giám sát tác giả, trả lời các nội dung có liên quan đến hồ sơ thiết kế theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

c) Bảo quản và giao lại cho Chủ đầu tư những tài liệu và phương tiện làm việc do Chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

d) Thông báo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

đ) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của bên nhận thầu theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho bên nhận thầu trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của nhà thầu tư vấn để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm.

f) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

g) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

h) Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức.

i) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

k) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư cho tới ngày hoàn thành và bàn giao công trình.

l) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng theo đúng thỏa thuận của hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

m) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

n) Tham gia nghiệm thu các giai đoạn, nghiệm thu chạy thử thiết bị, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình và toàn bộ công trình khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.

o) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

1. Quyền của Chủ đầu tư:

a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng.

b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.

c) Kiểm tra chất lượng công việc của nhà thầu tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của nhà thầu tư vấn.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng

đ) Yêu cầu bên nhận thầu thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

a) Cung cấp cho nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.

c) Giải quyết kiến nghị của nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

d) Thanh toán đầy đủ cho nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

đ) Hướng dẫn nhà thầu tư vấn về những nội dung liên quan đến dự án; tạo điều kiện để bên nhận thầu được tiếp cận với công trình, thực địa.

e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với nhà thầu tư vấn.

g) Tạo điều kiện cho bên nhận thầu thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho nhà thầu tư vấn nếu bên giao thầu cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

Điều 12. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

1. Nhà thầu sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong hợp đồng mà không cần phải xin phép nhà thầu.

2. Nhà thầu phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do nhà thầu thực hiện và cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

3. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 13. Bảo hiểm

Nhà thầu phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 14. Rủi ro và bất khả kháng

1. Bất khả kháng khác trong hoạt động tư vấn xây dựng bao gồm các sự kiện sau: Khi thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng gặp hang caster, cổ vật, khảo cổ, túi bùn mà khi ký hợp đồng các bên chưa lường hết được.

2. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Bên nhận thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho bên giao thầu đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Bên giao thầu phải bồi thường những tổn hại cho bên nhận thầu đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

3. Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng

a) Nếu bên nhận thầu bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, bên nhận thầu sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

b) Bên giao thầu phải xem xét quyết định các đề nghị của bên nhận thầu.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

5. Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng, thanh toán, hết trách nhiệm

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, bên giao thầu sẽ phải thanh toán cho bên nhận thầu:

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được thực hiện mà giá đã được nêu trong hợp đồng.

- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho bên nhận thầu, hoặc những thứ bên nhận thầu có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của bên giao thầu khi đã được bên giao thầu thanh toán và bên nhận thầu sẽ để cho bên giao thầu sử dụng.

Điều 15. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi Chủ đầu tư

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu, Chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi nhà thầu

a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 05 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Điều 16. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau 05 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng nếu:

a) Nhà thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà nhà thầu không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 05 ngày mà Chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót đó.

b) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 8 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng], hoặc 05 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

c) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư.

d) Nhà thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

e) Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 18 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

f) Nhà thầu cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư.

h) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 14 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể thuê các nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các nhà thầu này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi nhà thầu

Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 05 ngày trong các trường hợp sau đây:

a) Sau 05 ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư.

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho nhà thầu theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 18 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp] sau 20 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 18 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà nhà thầu không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 05 ngày.

đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ Điều Khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng, thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, nhà thầu sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 9 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác, ...).

Điều 17. Thưởng, phạt và trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

1. Thưởng hợp đồng: Không.

2. Phạt vi phạm hợp đồng:

- Đối với nhà thầu: Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng 10 ngày thì phạt 5% giá hợp đồng cho 10 ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12 % giá trị hợp đồng bị vi phạm.

- Đối với Chủ đầu tư: Nếu thanh toán chậm cho nhà thầu theo quy định tại Điều 9 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] thì phải bồi thường cho nhà thầu theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do Ngân hàng thương mại mà nhà thầu mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Chủ đầu tư đã thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.

Điều 18. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 05 ngày. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 05 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 05 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các Điều Khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 19. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Quyết toán hợp đồng:

Trong vòng 07 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư rằng nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng, nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư 06 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

a) Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.

b) Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).

c) Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho nhà thầu.

Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng nhà thầu chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, nhà thầu sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

Sau khi hai bên đã thống nhất tài liệu quyết toán, Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị của hợp đồng cho nhà thầu.

2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 16 [Chấm dứt hợp đồng].

Điều 20. Điều khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các Điều Khoản, quy định và Điều kiện của hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các Điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng này bao gồm 14 trang, được lập thành 06 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 04 bản, nhà thầu sẽ giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU**
Giám đốc	**Giám đốc**
Trần Thanh Bình	**Phạm Lê Nhân**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 04 tháng 06 năm 2021

HỢP ĐỒNG

Tư vấn thiết kế BVTC, lập dự toán công trình

Số: 03/2021/HĐ-TK

Công trình: Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh
Hạng mục: Cải tạo, sửa chữa 8 kho lưu trữ hiện vật tầng 2, tầng 3 – tòa nhà 1
Địa điểm: 97A Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM

giữa

BẢO TÀNG MỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

và

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG THIỆN NGUYỄN

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

- Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

- Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính Phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu Thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18/09/2017 của Bộ Tài Chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất;

- Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng tư vấn xây dựng;

- Căn cứ Quyết định số 245/QĐ-SVHTT ngày 12/03/2021 của Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

- Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 04/06/2021 về việc ký kết hợp đồng giao nhận thầu Gói thầu tư vấn Thiết kế BVTC, lập dự toán công trình: Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh, hạng mục: Cải tạo, sửa chữa 8 kho lưu trữ hiện vật tầng 2, tầng 3 – tòa nhà 1 giữa Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh và Công ty TNHH Thiết Kế Xây Dựng Thiện Nguyễn;

- Căn cứ Quyết định số: 94A / QĐ-BTMT ngày 04/06/2021 của Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt chỉ định thầu gói thầu tư vấn Thiết kế BVTC, lập dự toán công trình: Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh, hạng mục: Cải tạo, sửa chữa 8 kho lưu trữ hiện vật tầng 2, tầng 3 – tòa nhà 1.

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 04 tháng 06 năm 2021 tại Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

Chủ đầu tư (gọi tắt là bên A):

- Tên đơn vị: **Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh**
- Đại diện: Ông **Trần Thanh Bình** Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Số 97A Phó Đức Chính, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM.
- Điện thoại: 38294441 - 38216452
- Mã số thuế: 0302713550
- Tài khoản: Số 9527.2.1013247 Tại Kho Bạc Nhà Nước Quận 1.

Nhà thầu (gọi tắt là bên B):

- Tên đơn vị: **Công ty TNHH Thiết Kế Xây Dựng Thiện Nguyễn.**
- Đại diện: Ông **Phạm Lê Nhân** Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Số 32D Lâm Hoành, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP.HCM.
- Điện thoại: 0907565758
- Tài khoản: Số 33696938 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB) – Phòng giao dịch Lê Trọng Tấn.
- Mã số thuế: 0315787260
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0315787260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/07/2019.

Các bên thống nhất thỏa thuận như sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh.

2. Nhà thầu là Công ty TNHH Thiết Kế Xây Dựng Thiện Nguyễn.

3. Dự án là Đầu tư xây dựng công trình: Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh, hạng mục: Cải tạo, sửa chữa 8 kho lưu trữ hiện vật tầng 2, tầng 3 – tòa nhà 1.

4. Công trình là Bảo Tàng Mỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh, hạng mục: Cải tạo, sửa chữa 8 kho lưu trữ hiện vật tầng 2, tầng 3 – tòa nhà 1.

5. Gói thầu là tư vấn Thiết kế BVTC, lập dự toán công trình: Bảo Tàng Mỹ Thuật TP. Hồ Chí Minh, hạng mục: Cải tạo, sửa chữa 8 kho lưu trữ hiện vật tầng 2, tầng 3 – tòa nhà 1.

6. Đại diện Chủ đầu tư là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Chủ đầu tư điều hành công việc.

7. Đại diện nhà thầu là người được nhà thầu nêu ra trong hợp đồng hoặc được nhà thầu chỉ định và thay mặt nhà thầu điều hành công việc.

8. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên].

9. Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tùy theo hoàn cảnh cụ thể.

10. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

11. Ngày làm việc là ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.

12. Bất khả kháng được định nghĩa tại Điều 14 [Rủi ro và bất khả kháng].

17. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn xây dựng và các tài liệu tại Khoản 2 dưới đây.

2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

a) Văn bản thông báo trúng thầu hoặc chỉ định thầu;

b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng hoặc điều khoản tham chiếu đối với hợp đồng tư vấn xây dựng;

c) Điều kiện chung của hợp đồng;

d) Các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật;

đ) Biên bản đàm phán hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng;

e) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 3. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 4. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

2. Ngôn ngữ của hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 5. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn Thiết kế BVTC, lập dự toán công trình

1. Nội dung và khối lượng công việc nhà thầu thực hiện bao gồm các công việc chủ yếu sau:

a) Khảo sát hiện trạng công trình để lập thiết kế BVTC.

b) Lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán công trình đảm bảo phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn và qui định của pháp luật về xây dựng.

c) Tham gia các cuộc họp có liên quan tới sản phẩm tư vấn xây dựng khi Chủ đầu tư yêu cầu trong quá trình triển khai thực hiện.

d) Giám sát tác giả và làm rõ thiết kế, sửa đổi thiết kế (nếu có) trong quá trình thi công xây dựng công trình.

2. Nhà thầu cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn Thiết kế BVTC, lập dự toán công trình bao gồm:

a) Sản phẩm của hợp đồng tư vấn Thiết kế BVTC, lập dự toán bao gồm: hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán công trình.

b) Bản vẽ phải thể hiện chi tiết tất cả các bộ phận của công trình, các cấu tạo với đầy đủ các kích thước, vật liệu và thông số kỹ thuật để thi công công trình và đủ điều kiện để lập dự toán thi công xây dựng công trình.

c) Dự toán xây dựng công trình (tổng mức đầu tư) phải được lập phù hợp với thiết kế, các chế độ, chính sách quy định về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và mặt bằng giá xây dựng công trình.

d) Nhà thầu tư vấn phải nêu rõ yêu cầu kỹ thuật cụ thể, tiêu chuẩn thiết kế, thi công, lắp đặt và nghiệm thu cho tất cả các loại vật tư, vật liệu, thiết bị sử dụng cho công trình.

đ) Nhà thầu tư vấn không được tự ý chỉ định tên nhà sản xuất, nơi sản xuất, nhà cung ứng các loại vật tư, vật liệu, thiết bị trong hồ sơ thiết kế.

Điều 6. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng phải được bên nhận thầu hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng.

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng là **08 bộ**.

Điều 7. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn Thiết kế BVTC, lập dự toán công trình:

a) Hợp đồng giao nhận thầu tư vấn Thiết kế BVTC, lập dự toán công trình;

b) Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng;

c) Hồ sơ tư vấn gồm: hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán công trình.

2. Nghiệm thu sản phẩm sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư căn cứ vào hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng nhà thầu phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thoả thuận trong hợp đồng.

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

1. Thời gian thực hiện hợp đồng là: **20 ngày** kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

3. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của nhà thầu.

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

1. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

2. Giá trị hợp đồng: 19.600.000 đồng.

(Bằng chữ: Mười chín triệu, sáu trăm ngàn đồng).

- Giá hợp đồng trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo hợp đồng, đến bản quyền, lợi nhuận của nhà thầu và tất cả các loại thuế liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật.

3. Nội dung của giá hợp đồng

a) Giá hợp đồng bao gồm:

- Chi phí chuyên gia, chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

- Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.

- Chi phí đi thực địa.

- Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của Chủ đầu tư, xử lý vướng mắc trong hồ sơ thiết kế đối với tư vấn thiết kế, lập dự toán.

- Chi phí giám sát tác giả.

- Chi phí khác có liên quan.

c) Giá hợp đồng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của Chủ đầu tư để xem xét các đề nghị của nhà thầu.

- Chi phí lấy ý kiến, thẩm tra, phê duyệt.

4. Tạm ứng: Không.

5. Thanh toán

- Bên B bàn giao hồ sơ tư vấn thiết kế BVTC, lập dự toán cho bên A, hai bên sẽ tiến hành nghiệm thu công việc tư vấn thiết kế BVTC, lập dự toán công trình.

- Việc thanh toán được chia làm hai lần:

Lần 1: Bên A thanh toán 80% giá trị khối lượng hoàn thành sau khi có Quyết định phê duyệt Thiết kế Bản vẽ thi công và dự toán xây dựng.

Lần 2: Bên A sẽ thanh toán 20% giá trị còn lại sau khi công trình được nghiệm thu bàn giao và đưa vào sử dụng.

- Bên A sẽ thanh toán cho bên B trong thời gian 7 ngày làm việc kể từ khi bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo quy định.

6. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

- Văn bản đề nghị thanh toán của nhà thầu.

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán.

7. Đồng tiền thanh toán: là đồng tiền Việt Nam.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu

1. Quyền của nhà thầu:

a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến tư vấn xây dựng.

b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.

d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).

đ) Được quyền yêu cầu bên giao thầu thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.

2. Nghĩa vụ của nhà thầu:

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Tham gia nghiệm thu công trình xây dựng cùng Chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, giám sát tác giả, trả lời các nội dung có liên quan đến hồ sơ thiết kế theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

c) Bảo quản và giao lại cho Chủ đầu tư những tài liệu và phương tiện làm việc do Chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

d) Thông báo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

đ) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của bên nhận thầu theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho bên nhận thầu trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của nhà thầu tư vấn để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm.

f) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

g) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

h) Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức.

i) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

k) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư cho tới ngày hoàn thành và bàn giao công trình.

l) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng theo đúng thỏa thuận của hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

m) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

n) Tham gia nghiệm thu các giai đoạn, nghiệm thu chạy thử thiết bị, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình và toàn bộ công trình khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.

o) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

1. Quyền của Chủ đầu tư:

a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng.

b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.

c) Kiểm tra chất lượng công việc của nhà thầu tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của nhà thầu tư vấn.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng

đ) Yêu cầu bên nhận thầu thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

a) Cung cấp cho nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.

c) Giải quyết kiến nghị của nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

d) Thanh toán đầy đủ cho nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

đ) Hướng dẫn nhà thầu tư vấn về những nội dung liên quan đến dự án; tạo điều kiện để bên nhận thầu được tiếp cận với công trình, thực địa.

e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với nhà thầu tư vấn.

g) Tạo điều kiện cho bên nhận thầu thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho nhà thầu tư vấn nếu bên giao thầu cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

Điều 12. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

1. Nhà thầu sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong hợp đồng mà không cần phải xin phép nhà thầu.

2. Nhà thầu phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do nhà thầu thực hiện và cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

3. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 13. Bảo hiểm

Nhà thầu phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 14. Rủi ro và bất khả kháng

1. Bất khả kháng khác trong hoạt động tư vấn xây dựng bao gồm các sự kiện sau: Khi thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng gặp hang caster, cổ vật, khảo cổ, túi bùn mà khi ký hợp đồng các bên chưa lường hết được.

2. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Bên nhận thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho bên giao thầu đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Bên giao thầu phải bồi thường những tổn hại cho bên nhận thầu đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

3. Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng

a) Nếu bên nhận thầu bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, bên nhận thầu sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

b) Bên giao thầu phải xem xét quyết định các đề nghị của bên nhận thầu.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

5. Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng, thanh toán, hết trách nhiệm

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, bên giao thầu sẽ phải thanh toán cho bên nhận thầu:

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được thực hiện mà giá đã được nêu trong hợp đồng.

- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho bên nhận thầu, hoặc những thứ bên nhận thầu có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của bên giao thầu khi đã được bên giao thầu thanh toán và bên nhận thầu sẽ để cho bên giao thầu sử dụng.

Điều 15. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi Chủ đầu tư

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu, Chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi nhà thầu

a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 05 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Điều 16. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau 05 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng nếu:

a) Nhà thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà nhà thầu không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 05 ngày mà Chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót đó.

b) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 8 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng], hoặc 05 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

c) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư.

d) Nhà thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

e) Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 18 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

f) Nhà thầu cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư.

h) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 14 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể thuê các nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các nhà thầu này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi nhà thầu

Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 05 ngày trong các trường hợp sau đây:

a) Sau 05 ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư.

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho nhà thầu theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 18 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp] sau 20 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 18 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà nhà thầu không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 05 ngày.

đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ Điều Khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng, thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, nhà thầu sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 9 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác, ...).

Điều 17. Thưởng, phạt và trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

1. Thưởng hợp đồng: Không.

2. Phạt vi phạm hợp đồng:

- Đối với nhà thầu: Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng 10 ngày thì phạt 5% giá hợp đồng cho 10 ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12 % giá trị hợp đồng bị vi phạm.

- Đối với Chủ đầu tư: Nếu thanh toán chậm cho nhà thầu theo quy định tại Điều 9 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] thì phải bồi thường cho nhà thầu theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do Ngân hàng thương mại mà nhà thầu mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Chủ đầu tư đã thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.

Điều 18. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 05 ngày. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 05 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 05 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các Điều Khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 19. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Quyết toán hợp đồng:

Trong vòng 07 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư rằng nhà thầu

đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng, nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư 06 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

a) Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.

b) Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).

c) Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho nhà thầu.

Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng nhà thầu chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, nhà thầu sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

Sau khi hai bên đã thống nhất tài liệu quyết toán, Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị của hợp đồng cho nhà thầu.

2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 16 [Chấm dứt hợp đồng].

Điều 20. Điều khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các Điều Khoản, quy định và Điều kiện của hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các Điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng này bao gồm 14 trang, được lập thành 06 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 04 bản, nhà thầu sẽ giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ **Giám đốc**	**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU** **Giám đốc**
SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH BẢO TÀNG MỸ THUẬT	M.S.D.N: 0315787260 - C.T.T.N.H.H CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG THIỆN NGUYÊN Q.BÌNH TÂN - T.P HỒ CHÍ MINH
Trần Thanh Bình	**Phạm Lê Nhân**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP.HCM, ngày 27 tháng 09 năm 2021

HỢP ĐỒNG

Tư vấn thiết kế BVTC, lập dự toán công trình

Số: 05/2021/HĐ-TK

Công trình: Nhà tập luyện Thể thao Phú Thọ
Hạng mục: Sửa chữa chống thấm, sơn lại khu vực trong tòa nhà (Tầng trệt)
Địa điểm: 219 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP.Hồ Chí Minh

giữa

NHÀ TẬP LUYỆN THỂ THAO PHÚ THỌ

và

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG THIỆN NGUYỄN

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/06/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;

- Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

- Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính Phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu Thầu về lựa chọn nhà thầu;

- Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính Phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/04/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

- Căn cứ Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18/09/2017 của Bộ Tài Chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất;

- Căn cứ Thông tư số 08/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng tư vấn xây dựng;

- Căn cứ Quyết định số 256/QĐ-SVHTT ngày 15/03/2021 của Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;

- Căn cứ Văn bản số 906/SVHTT-KHTC ngày 31/03/2021 của Sở Văn hóa và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa chữa cơ sở vật chất tại Nhà tập luyện Thể thao Phú Thọ.

- Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 27/09/2021 về việc ký kết hợp đồng giao nhận thầu Gói thầu tư vấn Thiết kế BVTC, lập dự toán công trình: Nhà tập luyện Thể thao Phú Thọ, hạng mục: Sửa chữa chống thấm, sơn lại khu vực trong tòa nhà (Tầng trệt) giữa Nhà tập luyện Thể thao Phú Thọ và Công ty TNHH Thiết Kế Xây Dựng Thiện Nguyễn;

- Căn cứ Quyết định số: / *QĐ-NTLTTPT* ngày 27/09/2021 của Nhà tập luyện Thể thao Phú Thọ về việc phê duyệt chỉ định thầu gói thầu tư vấn Thiết kế BVTC, lập dự toán công trình: Nhà tập luyện Thể thao Phú Thọ, hạng mục: Sửa chữa chống thấm, sơn lại khu vực trong tòa nhà (Tầng trệt).

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 27 tháng 09 năm 2021 tại tòa nhà Nhà tập luyện Thể thao Phú Thọ, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

Chủ đầu tư (gọi tắt là bên A):

- Tên đơn vị: **Nhà tập luyện Thể thao Phú Thọ**
- Đại diện: Bà **Nguyễn Thị Huyền Diệu** Chức vụ: Chủ nhiệm
- Địa chỉ: Số 219 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP.Hồ Chí Minh.
- Mã số thuế: 0306049806
- Tài khoản: Số 9527.2.1085983.00000 Tại Kho Bạc Nhà Nước Quận 11.

Nhà thầu (gọi tắt là bên B):

- Tên đơn vị: **Công ty TNHH Thiết Kế Xây Dựng Thiện Nguyễn.**
- Đại diện: Ông **Phạm Lê Nhân** Chức vụ: Giám đốc
- Địa chỉ: Số 32D Lâm Hoành, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP.HCM.
- Điện thoại: 0907565758
- Tài khoản: Số 33696938 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB) – Phòng giao dịch Lê Trọng Tấn.
- Mã số thuế: 0315787260
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0315787260 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/07/2019.

Các bên thống nhất thỏa thuận như sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là Nhà tập luyện Thể thao Phú Thọ.

2. Nhà thầu là Công ty TNHH Thiết Kế Xây Dựng Thiện Nguyễn.

3. Dự án là Đầu tư xây dựng công trình: Nhà tập luyện Thể thao Phú Thọ, hạng mục: Sửa chữa chống thấm, sơn lại khu vực trong tòa nhà (Tầng trệt).

4. Công trình là Nhà tập luyện Thể thao Phú Thọ, hạng mục: Sửa chữa chống thấm, sơn lại khu vực trong tòa nhà (Tầng trệt).

5. Gói thầu là tư vấn Thiết kế BVTC, lập dự toán công trình: Nhà tập luyện Thể thao Phú Thọ, hạng mục: Sửa chữa chống thấm, sơn lại khu vực trong tòa nhà (Tầng trệt).

6. Đại diện Chủ đầu tư là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Chủ đầu tư điều hành công việc.

7. Đại diện nhà thầu là người được nhà thầu nêu ra trong hợp đồng hoặc được nhà thầu chỉ định và thay mặt nhà thầu điều hành công việc.

8. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên].

9. Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tùy theo hoàn cảnh cụ thể.

10. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

11. Ngày làm việc là ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.

12. Bất khả kháng được định nghĩa tại Điều 14 [Rủi ro và bất khả kháng].

17. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm hợp đồng tư vấn xây dựng và các tài liệu tại Khoản 2 dưới đây.

2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng tư vấn xây dựng. Các tài liệu kèm theo hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

a) Văn bản thông báo trúng thầu hoặc chỉ định thầu;

b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng hoặc điều khoản tham chiếu đối với hợp đồng tư vấn xây dựng;

c) Điều kiện chung của hợp đồng;

d) Các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật;

đ) Biên bản đàm phán hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng;

e) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng xây dựng áp dụng theo thứ tự quy định tại Khoản 2 Điều này.

Điều 3. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng.

2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 4. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

2. Ngôn ngữ của hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 5. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng tư vấn Thiết kế BVTC, lập dự toán công trình

1. Nội dung và khối lượng công việc nhà thầu thực hiện bao gồm các công việc chủ yếu sau:

a) Khảo sát hiện trạng công trình để lập thiết kế BVTC.

b) Lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán công trình đảm bảo phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn và qui định của pháp luật về xây dựng.

c) Tham gia các cuộc họp có liên quan tới sản phẩm tư vấn xây dựng khi Chủ đầu tư yêu cầu trong quá trình triển khai thực hiện.

d) Giám sát tác giả và làm rõ thiết kế, sửa đổi thiết kế (nếu có) trong quá trình thi công xây dựng công trình.

2. Nhà thầu cung cấp sản phẩm của hợp đồng tư vấn Thiết kế BVTC, lập dự toán công trình bao gồm:

a) Sản phẩm của hợp đồng tư vấn Thiết kế BVTC, lập dự toán bao gồm: hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán công trình.

b) Bản vẽ phải thể hiện chi tiết tất cả các bộ phận của công trình, các cấu tạo với đầy đủ các kích thước, vật liệu và thông số kỹ thuật để thi công công trình và đủ điều kiện để lập dự toán thi công xây dựng công trình.

c) Dự toán xây dựng công trình (tổng mức đầu tư) phải được lập phù hợp với thiết kế, các chế độ, chính sách quy định về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình và mặt bằng giá xây dựng công trình.

d) Nhà thầu tư vấn phải nêu rõ yêu cầu kỹ thuật cụ thể, tiêu chuẩn thiết kế, thi công, lắp đặt và nghiệm thu cho tất cả các loại vật tư, vật liệu, thiết bị sử dụng cho công trình.

đ) Nhà thầu tư vấn không được tự ý chỉ định tên nhà sản xuất, nơi sản xuất, nhà cung ứng các loại vật tư, vật liệu, thiết bị trong hồ sơ thiết kế.

Điều 6. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng phải được bên nhận thầu hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng.

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm tư vấn xây dựng của hợp đồng là **08 bộ**.

Điều 7. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng

1. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn Thiết kế BVTC, lập dự toán công trình:

a) Hợp đồng giao nhận thầu tư vấn Thiết kế BVTC, lập dự toán công trình;

b) Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng;

c) Hồ sơ tư vấn gồm: hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, lập dự toán công trình.

2. Nghiệm thu sản phẩm sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư căn cứ vào hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ

chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng nhà thầu phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thoả thuận trong hợp đồng.

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

1. Thời gian thực hiện hợp đồng là: **15 ngày** kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp nhà thầu hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

3. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của nhà thầu.

Điều 9. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

1. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

2. Giá trị hợp đồng: 26.150.000 đồng

(Bằng chữ: Hai mươi sáu triệu, một trăm năm mươi ngàn đồng).

- Giá hợp đồng trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo hợp đồng, đến bản quyền, lợi nhuận của nhà thầu và tất cả các loại thuế liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật.

3. Nội dung của giá hợp đồng

a) Giá hợp đồng bao gồm:

- Chi phí chuyên gia, chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.

- Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.

- Chi phí đi thực địa.

- Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của Chủ đầu tư, xử lý vướng mắc trong hồ sơ thiết kế đối với tư vấn thiết kế, lập dự toán.

- Chi phí giám sát tác giả.

- Chi phí khác có liên quan.

c) Giá hợp đồng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của Chủ đầu tư để xem xét các đề nghị của nhà thầu.

- Chi phí lấy ý kiến, thẩm tra, phê duyệt.

4. Tạm ứng: Không.

5. Thanh toán

- Bên B bàn giao hồ sơ tư vấn thiết kế BVTC, lập dự toán cho bên A, hai bên sẽ tiến hành nghiệm thu công việc tư vấn thiết kế BVTC, lập dự toán công trình.

- Việc thanh toán được chia làm hai lần:

Lần 1: Bên A thanh toán 80% giá trị khối lượng hoàn thành sau khi có Quyết định phê duyệt Thiết kế Bản vẽ thi công và dự toán xây dựng.

Lần 2: Bên A sẽ thanh toán 20% giá trị còn lại sau khi công trình được nghiệm thu bàn giao và đưa vào sử dụng.

- Bên A sẽ thanh toán cho bên B trong thời gian 7 ngày làm việc kể từ khi bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ theo quy định.

6. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

- Văn bản đề nghị thanh toán của nhà thầu.

- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán.

7. Đồng tiền thanh toán: là đồng tiền Việt Nam.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu

1. Quyền của nhà thầu:

a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến tư vấn xây dựng.

b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ tư vấn vì lợi ích của Chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.

c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.

d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả).

đ) Được quyền yêu cầu bên giao thầu thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.

2. Nghĩa vụ của nhà thầu:

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Tham gia nghiệm thu công trình xây dựng cùng Chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, giám sát tác giả, trả lời các nội dung có liên quan đến hồ sơ thiết kế theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

c) Bảo quản và giao lại cho Chủ đầu tư những tài liệu và phương tiện làm việc do Chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

d) Thông báo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ, phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

đ) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

Nhà thầu tư vấn phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của bên nhận thầu theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho bên nhận thầu trong việc thực hiện công việc tư vấn xây dựng được quy định trong hợp đồng.

Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của nhà thầu tư vấn để hoàn thành công việc tư vấn xây dựng theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm.

f) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng tư vấn phụ (nếu có), nhân lực của tư vấn và tư vấn phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

g) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu tư vấn thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc tư vấn xây dựng có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

h) Nhà thầu tư vấn có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn xây dựng trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức.

i) Sản phẩm tư vấn xây dựng phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu tư vấn phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

k) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư cho tới ngày hoàn thành và bàn giao công trình.

l) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng theo đúng thỏa thuận của hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

m) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

n) Tham gia nghiệm thu các giai đoạn, nghiệm thu chạy thử thiết bị, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình và toàn bộ công trình khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.

o) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

1. Quyền của Chủ đầu tư:

a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn xây dựng theo hợp đồng.

b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo hợp đồng.

c) Kiểm tra chất lượng công việc của nhà thầu tư vấn nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của nhà thầu tư vấn.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng

đ) Yêu cầu bên nhận thầu thay đổi cá nhân tư vấn không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

a) Cung cấp cho nhà thầu tư vấn thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.

c) Giải quyết kiến nghị của nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

d) Thanh toán đầy đủ cho nhà thầu tư vấn theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.

đ) Hướng dẫn nhà thầu tư vấn về những nội dung liên quan đến dự án; tạo điều kiện để bên nhận thầu được tiếp cận với công trình, thực địa.

e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với nhà thầu tư vấn.

g) Tạo điều kiện cho bên nhận thầu thực hiện công việc tư vấn xây dựng.

h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho nhà thầu tư vấn nếu bên giao thầu cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.

Điều 12. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

1. Nhà thầu sẽ giữ bản quyền công việc tư vấn do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong hợp đồng mà không cần phải xin phép nhà thầu.

2. Nhà thầu phải cam kết rằng sản phẩm tư vấn do nhà thầu thực hiện và cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.

3. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm tư vấn theo hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 13. Bảo hiểm

Nhà thầu phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 14. Rủi ro và bất khả kháng

1. Bất khả kháng khác trong hoạt động tư vấn xây dựng bao gồm các sự kiện sau: Khi thực hiện hợp đồng tư vấn xây dựng gặp hang caster, cổ vật, khảo cổ, túi bùn mà khi ký hợp đồng các bên chưa lường hết được.

2. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra bên nhận thầu phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Bên nhận thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho bên giao thầu đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Bên giao thầu phải bồi thường những tổn hại cho bên nhận thầu đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

3. Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng

a) Nếu bên nhận thầu bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, bên nhận thầu sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

b) Bên giao thầu phải xem xét quyết định các đề nghị của bên nhận thầu.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

5. Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng, thanh toán, hết trách nhiệm

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, bên giao thầu sẽ phải thanh toán cho bên nhận thầu:

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được thực hiện mà giá đã được nêu trong hợp đồng.

- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho bên nhận thầu, hoặc những thứ bên nhận thầu có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của bên giao thầu khi đã được bên giao thầu thanh toán và bên nhận thầu sẽ để cho bên giao thầu sử dụng.

Điều 15. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi Chủ đầu tư

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu, Chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi nhà thầu

a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 05 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Điều 16. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau 05 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng nếu:

a) Nhà thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà nhà thầu không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 05 ngày mà Chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót đó.

b) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 8 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng], hoặc 05 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

c) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư.

d) Nhà thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

e) Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 18 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

f) Nhà thầu cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư.

h) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 14 [Rủi ro và bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể thuê các nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Chủ đầu tư và các nhà thầu này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi nhà thầu

Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 05 ngày trong các trường hợp sau đây:

a) Sau 05 ngày liên tục công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư.

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho nhà thầu theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 18 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp] sau 20 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 18 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà nhà thầu không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian không dưới 05 ngày.

đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ Điều Khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng, thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, nhà thầu sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 9 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác, ...).

Điều 17. Thưởng, phạt và trách nhiệm do vi phạm hợp đồng

1. Thưởng hợp đồng: Không.

2. Phạt vi phạm hợp đồng:

- Đối với nhà thầu: Nếu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng 10 ngày thì phạt 5% giá hợp đồng cho 10 ngày chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12 % giá trị hợp đồng bị vi phạm.

- Đối với Chủ đầu tư: Nếu thanh toán chậm cho nhà thầu theo quy định tại Điều 9 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán] thì phải bồi thường cho nhà thầu theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do Ngân hàng thương mại mà nhà thầu mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Chủ đầu tư đã thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.

Điều 18. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 05 ngày. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

Trong vòng 05 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

Trường hợp thương lượng không có kết quả thì trong vòng 05 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải, các bên sẽ gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các Điều Khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 19. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Quyết toán hợp đồng:

Trong vòng 07 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư rằng nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng, nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư 06 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

a) Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.

b) Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).

c) Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho nhà thầu.

Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng nhà thầu chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, nhà thầu sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

Sau khi hai bên đã thống nhất tài liệu quyết toán, Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị của hợp đồng cho nhà thầu.

2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 16 [Chấm dứt hợp đồng].

Điều 20. Điều khoản chung

Các bên đồng ý với tất cả các Điều Khoản, quy định và Điều kiện của hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các Điều đó.

Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hợp đồng này bao gồm 14 trang, được lập thành 06 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 04 bản, nhà thầu sẽ giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ	**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU**
Chủ nhiệm	**Giám đốc**
Nguyễn Thị Huyền Diệu	**Phạm Lê Nhân**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 10 năm 2021

HỢP ĐỒNG

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG VÀ LẬP DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Số: 09/2021/HĐKT

Giữa

TRUNG TÂM DỊCH VỤ THỂ DỤC THỂ THAO

Và

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG THIỆN NGUYỄN

Gói Thầu	: Thiết kế BVTC và Lập dự toán xây dựng công trình
Công Trình	: Trung Tâm Dịch vụ Thể dục Thể thao
Hạng mục	: Cải tạo sửa chữa mái tole Hội trường A
Địa điểm XD	: Số 215C Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. HCM

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014;
- Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật ;
- Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về việc Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ về việc qui định chi tiết về Hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ thông tư số 16/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ Quyết định số 256/QĐ-SVHTT ngày 15/3/2021 của Sở Văn hóa và Thể thao về việc giao Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;
- Căn cứ Công văn số 2593/SVHTT-KHTC ngày 08/9/2021 của Sở Văn hóa và Thể Thao về việc thay đổi hạng mục sửa chữa của Trung tâm Dịch vụ Thể dục Thể thao tại số 215C, Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11;
- Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-TTDVTDTT ngày 01/10/2021 của Trung tâm Dịch vụ Thể dục Thể thao về việc chỉ định Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Thiện Nguyễn thực hiện Tư vấn Thiết kế BVTC và Lập dự toán công trình: Trung tâm Dịch vụ Thể dục Thể thao, Hạng mục: Cải tạo sửa chữa mái tole Hội trường A;
- Căn cứ Biên bản thương thảo Hợp đồng Thiết kế BVTC và Lập dự toán xây dựng công trình: Trung tâm Dịch vụ Thể dục Thể thao, Hạng mục: Cải tạo sửa chữa mái tole Hội trường A ngày 01 tháng 10 năm 2021;
- Căn cứ pháp lý khác có liên quan;
- Căn cứ vào nhu cầu khả năng của các bên.

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 01 tháng 10 năm 2021 tại Trung Tâm Dịch vụ Thể dục Thể thao, chúng tôi gồm các bên dưới đây :

1/ ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ (Bên A):

Tên đơn vị : **TRUNG TÂM DỊCH VỤ THỂ DỤC THỂ THAO**
Địa chỉ : Số 3Bis Phan Văn Đạt, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM
Đại diện : **Ông Nguyễn Hữu Thành** Chức vụ : Giám đốc
Điện thoại : 028.3822 1628 Fax: 028.3822 1629
Tài khoản : Số 9527.2.3027050 tại kho bạc Quận 1, TP.HCM
Mã số thuế : 0303448489

2/ NHÀ THẦU (Bên B):

Tên đơn vị : **CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG THIỆN NGUYỄN**
Địa chỉ : 32D Lâm Hoành, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. HCM
Đại diện : Ông Phạm Lê Nhân Chức vụ: Giám đốc
Điện thoại : 028.6266 1080 Fax: 028.6266 1081
Email : thiennguyendeco@gmail.com
Tài khoản : Số 33696938 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB) – Phòng giao dịch Lê Trọng Tấn. Mã số thuế : 0315787260

Chủ đầu tư và Nhà thầu được gọi riêng là **Bên** và gọi chung là **Các Bên**.

Các Bên tại đây thống nhất thoả thuận như sau:

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT
HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU:

Điều 1.Các định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ trong Hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1.1. "Chủ đầu tư" Trung tâm Dịch vụ Thể dục Thể thao.

1.2. "Nhà thầu" Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Thiện Nguyễn.

1.3. "Công trình" Trung tâm Dịch vụ Thể dục Thể thao, Hạng mục: Cải tạo sửa chữa mái tole Hội trường A.

1.4. "Gói thầu" Thiết kế BVTC và Lập dự toán xây dựng công trình.

1.5. Đại diện Đơn vị giao thầu gọi tắt là Bên A là người được chủ đầu tư nêu ra trong Hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Bên A điều hành công việc.

1.6. Đại diện Đơn vị nhận thầu gọi tắt là Bên B là người được Nhà thầu nêu ra trong Hợp đồng hoặc được chỉ định và thay mặt Bên B điều hành công việc.

1.7. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 2 (Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên).

1.8. Bên là Bên A hoặc Bên B tuỳ theo hoàn cảnh cụ thể.

1.9. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

1.10. Ngày làm việc là ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.

1.11. Bất khả kháng được định nghĩa tại Điều 14 (Rủi ro và bất khả kháng).

1.12. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ Hợp đồng bao gồm các căn cứ ký kết hợp đồng; các điều khoản, điều kiện của Hợp đồng này và các tài liệu tại khoản 2.2 dưới đây.

2.2. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng, bao gồm các căn cứ ký kết hợp đồng, điều khoản và điều kiện của hợp đồng này và các tài liệu sau:

- Căn cứ Quyết định số 18/QĐ-TTDVTDTT ngày 01/10/2021 của Trung tâm Dịch vụ Thể dục Thể thao về việc chỉ định Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Thiện Nguyễn thực hiện Tư vấn Thiết kế BVTC và Lập dự toán công trình: Trung tâm Dịch vụ Thể dục Thể thao, hạng mục: Cải tạo sửa chữa mái tole Hội trường A;
- Biên bản thương thảo hợp đồng;
- Các phụ lục bổ sung trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).

Điều 3. Trao đổi thông tin

3.1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng.

3.2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 4. Luật và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

4.1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

4.2. Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 5. Nội dung và khối lượng công việc Thiết kế BVTC và Lập dự toán

Nội dung và khối lượng công việc Nhà thầu thực hiện được thể hiện cụ thể trong các biên bản đàm phán hợp đồng giữa các Bên bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

5.1. Thiết kế BVTC và Lập dự toán xây dựng công trình gồm Bản vẽ thiết kế và Dự toán xây dựng công trình, đảm bảo phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn và qui định của pháp luật về xây dựng.

5.2. Tham gia các cuộc họp có liên quan tới sản phẩm tư vấn xây dựng khi Chủ đầu tư yêu cầu trong quá trình triển khai thực hiện.

5.3. Giám sát tác giả và làm rõ thiết kế, sửa đổi thiết kế (nếu có) trong quá trình thi công xây dựng công trình.

Điều 6.Giám sát tác giả đối với tư vấn Thiết kế BVTC và Lập dự toán xây dựng công trình

Bên B phải cử người đủ năng lực để thực hiện việc giám sát tác giả trong quá trình thi công xây dựng công trình, cụ thể như sau:

6.1. Bên B có trách nhiệm giải thích và làm rõ các tài liệu thiết kế công trình cho Bên A, các Nhà thầu khác để quản lý và thi công theo đúng thiết kế.

6.2. Sửa đổi thiết kế đối với những nội dung chưa phù hợp với tiêu chuẩn, điều kiện thực tế của công trình.

6.3. Khi phát hiện thi công sai với thiết kế, người giám sát tác giả phải ghi nhật ký giám

sát và yêu cầu nhà thầu thi công thực hiện đúng thiết kế. Trong trường hợp không khắc phục được Nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Bên A.

6.4. Bên B có trách nhiệm tham gia nghiệm thu công trình xây dựng khi có yêu cầu của Bên A.

6.5. Qua giám sát tác giả, nếu phát hiện công trình xây dựng không đủ điều kiện nghiệm thu thì Bên B phải có văn bản gửi Bên A nêu rõ lý do từ chối nghiệm thu.

6.6. Trong quá trình thi công, nếu thiết kế không phù hợp, phải điều chỉnh lại so với thiết kế ban đầu.

Điều 7. Nghiệm thu sản phẩm

Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn Thiết kế BVTC và lập dự toán lập xây dựng công trình:

7.1 .Hợp đồng tư vấn Thiết kế BVTC và lập dự toán xây dựng công trình.

7.2. Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng.

7.3. Hồ sơ Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng gồm Bản vẽ thiết kế và Dự toán xây dựng công trình (tổng mức đầu tư).

7.4. Số lượng hồ sơ bao gồm bản vẽ thiết kế và dự toán được lập là 06 bộ.

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng

8.1. Tiến độ và thời gian thực hiện Hợp đồng là **05** ngày kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực *(thời gian trên không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng)*.

8.2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp bên B hoặc Bên A gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một Bên, Bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các Bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

8.3. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu.

Điều 9. Hình thức, giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

9.1. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

9.2. Giá trị hợp đồng: 26.364.000 đồng *(Bằng chữ: Hai mươi sáu triệu, ba trăm sáu mươi bốn ngàn đồng)*. Đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

* Giá trị Hợp đồng trọn gói dịch vụ tư vấn Thiết kế BVTC và Lập dự toán xây dựng công trình nêu trên đã bao gồm:

- Chi phí chuyên gia, chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí khác, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp và thuế giá trị gia tăng.

- Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.

- Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của chủ đầu tư, xử lý vướng mắc trong Hồ sơ thiết kế đối với tư vấn Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình.

- Chi phí khác có liên quan.

* Giá trị hợp đồng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của Chủ đầu tư để xem xét các đề nghị của Nhà thầu.
- Chi phí lấy ý kiến, thẩm tra, phê duyệt...

9.3. Phương thức thanh toán

Sau khi Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, Bên B hoàn thành tất cả các công việc theo nghĩa vụ ghi trong Hợp đồng và giá trị Quyết toán gói thầu Tư vấn Thiết kế BVTC và Lập dự toán xây dựng công trình được Chủ đầu tư chấp thuận, hai Bên tiến hành thanh lý hợp đồng, Bên B gửi Giấy đề nghị thanh toán cho Bên A, Bên A sẽ thanh toán toàn bộ giá trị Hợp đồng cho Bên B sau khi nhận được đầu đủ hồ sơ thanh toán của Bên B.

9.4. Hồ sơ thanh toán:

- Giấy đề nghị thanh toán
- Biên bản nghiệm thu
- Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành
- Hóa đơn tài chính
- Thanh lý hợp đồng
- Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

Điều 10. Điều chỉnh giá hợp đồng

Giá hợp đồng được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

10.1. Phát sinh khối lượng công việc ngoài phạm vi Hợp đồng.

10.2. Do nguyên nhân bất khả kháng quy định tại Điều 14 (Rủi ro và bất khả kháng) ảnh hưởng tới giá Hợp đồng.

10.3. Chi phí cho những công việc phát sinh: Được xác định trên cơ sở khối lượng công việc phát sinh và đơn giá trong hợp đồng hoặc đơn giá được xác định trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Xây dựng và các thỏa thuận của Hợp đồng này.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ

11.1. Quyền của Bên B:

a) Yêu cầu Bên A cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến tư vấn xây dựng.

b) Đề xuất các công việc thay đổi khi phát hiện yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng.

c) Quyền tác giả đối với thiết kế công trình.

d)Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Bên A.

e) Được quyền yêu cầu Bên A thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

11.2. Nghĩa vụ của Bên B:

a) Đảm bảo rằng tất cả các công việc Bên B thực hiện theo Hợp đồng này phải phù hợp với luật pháp của Việt Nam.

b) Thực hiện tư vấn Thiết kế BVTC và Lập dự toán xây dựng công trình theo đúng nội dung và khối lượng công việc đã thoả thuận và tuân thủ các quy định về việc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn của Việt Nam.

c) Thực hiện và chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình.

d)Nộp cho Bên A các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng.

đ)Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn xây dựng. Bên B có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Bên A tổ chức.

e) Bên B sắp xếp, bố trí nhân lực của mình để thực hiện công việc tư vấn.

f) Phải cam kết khi có yêu cầu của Bên A, Bên B sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Bên A (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu và bàn giao hồ sơ lập Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình.

g)Tuân thủ sự chỉ đạo và hướng dẫn của Bên A, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

h) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của Bên A.

i) Tất cả sản phẩm cuối cùng khi bàn giao cho Bên A phải phù hợp với Hợp đồng, có đủ căn cứ pháp lý và được Bên A nghiệm thu. Sản phẩm giao nộp cuối cùng theo Hợp đồng sẽ là tài sản của Bên A.

k) Bên B không được tiết lộ bất kỳ thông tin bí mật hay độc quyền nào liên quan đến công việc tư vấn, Hợp đồng hay các hoạt động công việc của Bên A khi chưa được Bên A đồng ý và chấp thuận trước bằng văn bản.

l) Bên B phải tự thu xếp phương tiện đi lại, chỗ ăn ở khi phải làm việc xa trụ sở của mình.

m) Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Bên A về quan hệ giao dịch, thực hiện công việc và thanh toán, quyết toán theo Hợp đồng với Bên A.

n) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

11.3. Quyền của Bên A:

a) Sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình theo Hợp đồng.

b) Không nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo Hợp đồng.

c) Kiểm tra công việc tư vấn của Nhà thầu nếu thấy cần thiết.

d)Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn.

đ)Đình chỉ thực hiện hoặc yêu cầu chấm dứt Hợp đồng theo quy định.

11.4. Nghĩa vụ của Bên A:

a) Tạo điều kiện tốt nhất để Bên B thực hiện công việc tư vấn.

b)Hướng dẫn Bên B về những nội dung liên quan đến Dự án; Tạo điều kiện để Bên B được tiếp cận với công trình, thực địa.

c) Cung cấp các tài liệu cần thiết theo đề xuất của Bên B để Bên B thực hiện công việc tư vấn. Bên A chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp.

d)Xem xét yêu cầu, đề xuất của Bên B liên quan đến thực hiện công việc tư vấn và phê duyệt trong một khoảng thời gian hợp lý để không làm chậm tiến độ thực hiện tư vấn xây dựng.

đ) Thanh toán cho Bên B toàn bộ giá hợp đồng theo đúng các qui định được thoả thuận trong Hợp đồng này.

Điều 12. Nhân lực của Bên B

12.1. Nhân lực của Bên B phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn.

12.2. Bên B tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Bên B không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 13. Bảo hiểm

Bên B phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo qui định.

Điều 14. Rủi ro và bất khả kháng

14.1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện Hợp đồng. Các bên phải đánh giá các nguy cơ rủi ro.

14.2. Bất khả kháng là sự kiện rủi ro không thể chống đỡ nổi khi nó xảy ra như: Động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất hay hoạt động núi lửa, chiến tranh, dịch bệnh.

14.3. Các biện pháp thực hiện trong tình trạng bất khả kháng.

a) Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiến hành các biện pháp để hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng với thời gian sớm nhất và phải thông báo cho bên kia biết sự kiện bất khả kháng vào thời gian sớm nhất.

b) Các Bên sẽ thực hiện mọi biện pháp để giảm tối đa mức thiệt hại do sự kiện bất khả kháng gây ra.

c) Trong trường hợp xảy ra bất khả kháng, các Bên sẽ gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng tương ứng bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

d) Nếu trường hợp bất khả kháng xảy ra mà mọi nỗ lực của một Bên hoặc các Bên không đem lại kết quả và buộc phải chấm dứt công việc tại một thời điểm bất kỳ, một Bên sẽ gửi thông báo việc chấp dứt hợp đồng bằng văn bản cho Bên kia và việc chấm dứt sẽ có hiệu lực 3 ngày sau khi Bên kia nhận được thông báo.

14.4. Thanh toán khi xảy ra bất khả kháng.

Các khoản chi phí phát sinh hợp lý do Bên B phải chịu hậu quả bất khả kháng để phục hồi hoạt động được Bên A xem xét để thanh toán.

Điều 15. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

15.1. Tạm ngừng công việc bởi Bên A

Nếu Bên B không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Bên A có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Bên B, Bên A phải nêu rõ phần lỗi của Bên B và yêu cầu Bên B phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên A do tạm ngừng công việc.

15.2. Tạm ngừng công việc bởi Bên B

a) Nếu Bên A không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thoả thuận trong Hợp đồng này quá 10 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Bên A, Bên B có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Bên A thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, Bên B phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Bên B phải thông báo cho Bên A để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Bên A xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

15.3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng thì một Bên phải thông báo cho Bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai Bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

Điều 16. Chấm dứt hợp đồng

16.1. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A

a) Bên B không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Bên B không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 10 ngày mà Bên A có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A về sai sót đó.

b) Bên B không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 8 (Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng).

c) Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Bên A.

d) Bên B bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản,

16.2. Chấm dứt hợp đồng bởi Bên B

a) Bên A không thanh toán cho Bên B theo Hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 18 (Khiếu nại và giải quyết tranh chấp) sau 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

b) Bên A bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản.

16.3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các Bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

16.4. Khi một trong hai Bên chấm dứt Hợp đồng, thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Bên B sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

16.5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Nếu chấm dứt hợp đồng gởi bên A thì việc thanh toán thực hiện theo Điều 9 (Hình thức, giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán) cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác...), trường hợp chấm dứt hợp đồng bởi bên B thì bên B phải chịu toàn bộ chi phí cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực.

Điều 17. Thưởng, phạt và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng

a) Thưởng Hợp đồng: Không.

b) Phạt vi phạm Hợp đồng

Vi phạm về thời gian thực hiện Hợp đồng: Phạt 8 % giá trị hợp đồng bị vi phạm thời gian thực hiện hộp đồng, nếu hoàn toàn không thực hiện hợp đồng đã ký thì bị phạt đến mức 12% giá trị Hợp đồng.

Điều 18.Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

Nếu có phát sinh tranh chấp giữa các Bên liên quan đến Hợp đồng này hoặc bất cứ vấn đề gì phát sinh, các Bên phải lập tức tiến hành thương lượng để giải quyết vấn đề một cách hữu hảo. Nếu thương lượng không có kết quả thì các bên sẽ đệ trình vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của Pháp luật. Quyết định của Trọng tài hoặc Tòa án nhân dân là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các Bên.

Điều 19.Điều khoản chung

Các Bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của Hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký kết.

Hợp đồng này được lập thành 06 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 04 bản, Nhà thầu sẽ giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
Giám đốc	Giám đốc
Nguyễn Hữu Thành	Phạm Lê Nhân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 10 năm 2021

HỢP ĐỒNG

THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG VÀ LẬP DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Số:10/2021/HĐKT

Giữa

TRUNG TÂM DỊCH VỤ THỂ DỤC THỂ THAO

Và

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG THIỆN NGUYỄN

Gói Thầu : Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình

Công Trình: Trung tâm Dịch vụ Thể dục Thể thao

Hạng mục: Cải tạo sửa chữa mái tole Hội trường A-1

Địa điểm XD: Số 215C Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, TP. HCM

PHẦN 1 - CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2014;
- Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật ;
- Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về việc Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ về việc qui định chi tiết về Hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định đơn giá nhân công trong quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Căn cứ thông tư số 16/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ xây dựng về việc hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng công trình;
- Căn cứ Quyết định số 256/QĐ-SVHTT ngày 15/3/2021 của Sở Văn hóa và Thể thao về việc giao Dự toán ngân sách nhà nước năm 2021;
- Căn cứ Công văn số 2593/SVHTT-KHTC ngày 08/9/2021 của Sở Văn hóa và Thể Thao về việc thay đổi hạng mục sửa chữa của Trung tâm Dịch vụ Thể dục Thể thao tại số 215C, Lý Thường Kiệt, phường 15, quận 11;
- Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-TTDVTDTT ngày 01/10/2021 của Trung tâm Dịch vụ Thể dục Thể thao về việc chỉ định Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Thiện Nguyễn thực hiện Tư vấn Thiết kế BVTC và Lập dự toán công trình: Trung tâm Dịch vụ Thể dục Thể thao, hạng mục: Cải tạo sửa chữa mái tole Hội trường A-1;
- Căn cứ Biên bản thương thảo Hợp đồng Thiết kế BVTC và Lập dự toán xây dựng công trình Công trình: Trung tâm Dịch vụ Thể dục Thể thao, Hạng mục: Cải tạo sửa chữa mái tole Hội trường A-1 ngày 01 tháng 10 năm 2021;
- Căn cứ pháp lý khác có liên quan;
- Căn cứ vào nhu cầu khả năng của các bên.

PHẦN 2 - CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 01 tháng 10 năm 2021 tại Trung tâm Dịch vụ Thể dục Thể thao, chúng tôi gồm các bên dưới đây :

1/ ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ (Bên A):

Tên đơn vị : **TRUNG TÂM DỊCH VỤ THỂ DỤC THỂ THAO**
Địa chỉ : Số 3Bis Phan Văn Đạt, phường Bến Nghé, quận 1, TP. HCM
Đại diện : Ông **Nguyễn Hữu Thành** Chức vụ : Giám đốc
Điện thoại : 028.3822 1628 Fax: 028.3822 1629
Tài khoản : Số 9527.2.3027050 tại kho bạc Quận 1, TP.HCM
Mã số thuế : 0303448489

2/ NHÀ THẦU (Bên B):

Tên đơn vị : **CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG THIỆN NGUYỄN**
Địa chỉ : 32D Lâm Hoành, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. HCM
Đại diện : **Ông Phạm Lê Nhân** Chức vụ : Giám đốc
Điện thoại : 028.6266 1080 Fax: 028.6266 1081
Email : thiennguyendeco@gmail.com
Tài khoản : Số 33696938 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (ACB) – Phòng giao dịch Lê Trọng Tấn.
Mã số thuế : 0315787260

Chủ đầu tư và Nhà thầu được gọi riêng là **Bên** và gọi chung là **Các Bên**.

Các Bên tại đây thống nhất thoả thuận như sau:

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT
HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU:

Điều 1.Các định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ trong Hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1.1. Chủ đầu tư: Trung tâm Dịch vụ Thể dục Thể thao.

1.2. Nhà thầu: Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Thiện Nguyễn.

1.3. Công trình: Trung tâm Dịch vụ Thể dục Thể thao, Hạng mục: Cải tạo sửa chữa mái tole Hội trường A-1.

1.4. Gói thầu: Thiết kế BVTC và Lập dự toán xây dựng công trình.

1.5. Đại diện Đơn vị giao thầu gọi tắt là Bên A là người được chủ đầu tư nêu ra trong Hợp đồng hoặc được ủy quyền và thay mặt cho Bên A điều hành công việc.

1.6. Đại diện Đơn vị nhận thầu gọi tắt là Bên B là người được Nhà thầu nêu ra trong Hợp đồng hoặc được chỉ định và thay mặt Bên B điều hành công việc.

1.7. Hợp đồng là toàn bộ Hồ sơ Hợp đồng tư vấn xây dựng theo quy định tại Điều 2 (Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên).

1.8. Bên là Bên A hoặc Bên B tuỳ theo hoàn cảnh cụ thể.

1.9. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

1.10. Ngày làm việc là ngày dương lịch, trừ ngày nghỉ, ngày lễ, tết theo quy định của pháp luật.

1.11. Bất khả kháng được định nghĩa tại Điều 14 (Rủi ro và bất khả kháng)

1.12. Luật là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ Hợp đồng bao gồm các căn cứ ký kết hợp đồng; các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này và các tài liệu tại khoản 2.2 dưới đây.

2.2. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng, bao gồm các căn cứ ký kết hợp đồng, điều khoản và điều kiện của hợp đồng này và các tài liệu sau:

- Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-TTDVTDTT ngày 01/10/2021 của Trung tâm Dịch vụ Thể dục Thể thao về việc chỉ định Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Thiện Nguyễn thực hiện Tư vấn Thiết kế BVTC và Lập dự toán công trình: Trung tâm Dịch vụ Thể dục Thể thao, hạng mục: Cải tạo sửa chữa mái tole Hội trường A-1;
- Biên bản thương thảo hợp đồng;
- Các phụ lục bổ sung trong quá trình thực hiện hợp đồng (nếu có).

Điều 3. Trao đổi thông tin

3.1.Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng.

3.2.Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 4. Luật và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

4.1.Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.

4.2.Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 5. Nội dung và khối lượng công việc Thiết kế BVTC và Lập dự toán xây dựng công trình

Nội dung và khối lượng công việc Nhà thầu thực hiện được thể hiện cụ thể trong các biên bản đàm phán hợp đồng giữa các Bên bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

5.1. Thiết kế BVTC và Lập dự toán xây dựng công trình gồm Bản vẽ thiết kế và Dự toán xây dựng công trình, đảm bảo phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn và qui định của pháp luật về xây dựng.

5.2. Tham gia các cuộc họp có liên quan tới sản phẩm tư vấn xây dựng khi Chủ đầu tư yêu cầu trong quá trình triển khai thực hiện.

5.3. Giám sát tác giả và làm rõ thiết kế, sửa đổi thiết kế (nếu có) trong quá trình thi công xây dựng công trình.

Điều 6. Giám sát tác giả đối với tư vấn Thiết kế BVTC và Lập dự toán xây dựng công trình

Bên B phải cử người đủ năng lực để thực hiện việc giám sát tác giả trong quá trình thi công xây dựng công trình, cụ thể như sau:

6.1. Bên B có trách nhiệm giải thích và làm rõ các tài liệu thiết kế công trình cho Bên A, các Nhà thầu khác để quản lý và thi công theo đúng thiết kế.

6.2. Sửa đổi thiết kế đối với những nội dung chưa phù hợp với tiêu chuẩn, điều kiện thực tế của công trình.

6.3. Khi phát hiện thi công sai với thiết kế, người giám sát tác giả phải ghi nhật ký giám sát và yêu cầu nhà thầu thi công thực hiện đúng thiết kế. Trong trường hợp không khắc phục được Nhà thầu phải có văn bản thông báo cho Bên A.

6.4. Bên B có trách nhiệm tham gia nghiệm thu công trình xây dựng khi có yêu cầu của Bên A.

6.5. Qua giám sát tác giả, nếu phát hiện công trình xây dựng không đủ điều kiện nghiệm thu thì Bên B phải có văn bản gửi Bên A nêu rõ lý do từ chối nghiệm thu.

6.6.Trong quá trình thi công, nếu thiết kế không phù hợp, phải điều chỉnh lại so với thiết kế ban đầu.

Điều 7. Nghiệm thu sản phẩm

Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn Thiết kế BVTC và Lập dự toán lập xây dựng công trình

7.1 . Hợp đồng tư vấn Thiết kế BVTC và Lập dự toán xây dựng công trình.

7.2. Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng.

7.3. Hồ sơ Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng gồm Bản vẽ thiết kế và Dự toán xây dựng công trình (tổng mức đầu tư).

7.4. Số lượng hồ sơ bao gồm bản vẽ thiết kế và dự toán được lập là 06 bộ.

Điều 8. Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng

8.1. Tiến độ và thời gian thực hiện Hợp đồng là **05** ngày kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực *(thời gian trên không bao gồm thời gian thẩm định, phê duyệt và các trường hợp bất khả kháng)*.

8.2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp bên B hoặc Bên A gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một Bên, Bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các Bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung Hợp đồng.

8.3. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu.

Điều 9. Hình thức, giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

9.1. **Hình thức hợp đồng**: Hợp đồng trọn gói.

9.2. **Giá trị hợp đồng: 26.104.000** đồng *(Bằng chữ: Hai mươi sáu triệu, một trăm lẻ bốn ngàn đồng)*. Đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

* Giá Hợp đồng trọn gói dịch vụ Thiết kế BVTC và Lập dự toán xây dựng công trình nêu trên đã bao gồm:

- Chi phí chuyên gia, chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí khác, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp và thuế giá trị gia tăng.
- Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm tư vấn xây dựng sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.
- Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của chủ đầu tư, xử lý vướng mắc trong Hồ sơ thiết kế đối với tư vấn Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình.

- Chi phí khác có liên quan.

* Giá hợp đồng không bao gồm:

- Chi phí cho các cuộc họp của Chủ đầu tư để xem xét các đề nghị của Nhà thầu.
- Chi phí lấy ý kiến, thẩm tra, phê duyệt.

9.3. **Phương thức thanh toán**

- Sau khi Nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, Bên B hoàn thành tất cả các công việc theo nghĩa vụ ghi trong Hợp đồng và giá trị Quyết toán gói thầu Tư vấn Thiết kế BVTC và Lập dự toán xây dựng công trình được Chủ đầu tư chấp thuận, hai Bên tiến hành thanh lý hợp đồng, Bên B gửi Giấy đề nghị thanh toán cho Bên A, Bên A sẽ thanh toán toàn bộ giá trị Hợp đồng cho Bên B sau khi nhận được đầu đủ hồ sơ thanh toán của Bên B.

9.3. **Hồ sơ thanh toán:**

- Giấy đề nghị thanh toán
- Biên bản nghiệm thu
- Bảng Xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành
- Hóa đơn tài chính
- Đồng tiền thanh toán là đồng tiền Việt Nam.

Điều 10. Điều chỉnh giá hợp đồng

Giá hợp đồng được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

10.1. Phát sinh khối lượng công việc ngoài phạm vi Hợp đồng.

10.2. Do nguyên nhân bất khả kháng quy định tại Điều 14 (Rủi ro và bất khả kháng) ảnh hưởng tới giá Hợp đồng.

10.3. Chi phí cho những công việc phát sinh: Được xác định trên cơ sở khối lượng công việc phát sinh và đơn giá trong hợp đồng hoặc đơn giá được xác định trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Xây dựng và các thỏa thuận của Hợp đồng này.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ

11.1. Quyền của Bên B:

a) Yêu cầu Bên A cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến tư vấn xây dựng.

b) Đề xuất các công việc thay đổi khi phát hiện yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng.

c) Quyền tác giả đối với thiết kế công trình.

d) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Bên A.

e) Được quyền yêu cầu Bên A thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

11.2. Nghĩa vụ của Bên B:

a) Đảm bảo rằng tất cả các công việc Bên B thực hiện theo Hợp đồng này phải phù hợp với luật pháp của Việt Nam.

b) Thực hiện tư vấn Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình theo đúng nội dung và khối lượng công việc đã thoả thuận và tuân thủ các quy định về việc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn của Việt Nam.

c) Thực hiện và chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình.

d) Nộp cho Bên A các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng.

đ) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn xây dựng. Bên B có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Bên A tổ chức.

e) Bên B sắp xếp, bố trí nhân lực của mình để thực hiện công việc tư vấn.

f) Phải cam kết khi có yêu cầu của Bên A, Bên B sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Bên A (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu và bàn giao hồ sơ lập Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình.

g) Tuân thủ sự chỉ đạo và hướng dẫn của Bên A, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

h) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của Bên A.

i) Tất cả sản phẩm cuối cùng khi bàn giao cho Bên A phải phù hợp với Hợp đồng, có đủ căn cứ pháp lý và được Bên A nghiệm thu. Sản phẩm giao nộp cuối cùng theo Hợp đồng sẽ là tài sản của Bên A.

k) Bên B không được tiết lộ bất kỳ thông tin bí mật hay độc quyền nào liên quan đến công việc tư vấn, Hợp đồng hay các hoạt động công việc của Bên A khi chưa được Bên A đồng ý và chấp thuận trước bằng văn bản.

l) Bên B phải tự thu xếp phương tiện đi lại, chỗ ăn ở khi phải làm việc xa trụ sở của mình.

m) Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Bên A về quan hệ giao dịch, thực hiện công việc và thanh toán, quyết toán theo Hợp đồng với Bên A.

n) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

11.3. Quyền của Bên A:

a) Sở hữu và sử dụng sản phẩm tư vấn Thiết kế BVTC và Dự toán xây dựng công trình theo Hợp đồng.

b) Không nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng không đạt chất lượng theo Hợp đồng.

c) Kiểm tra công việc tư vấn của Nhà thầu nếu thấy cần thiết.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm tư vấn.

đ) Đình chỉ thực hiện hoặc yêu cầu chấm dứt Hợp đồng theo quy định.

11.4. Nghĩa vụ của Bên A:

a) Tạo điều kiện tốt nhất để Bên B thực hiện công việc tư vấn.

b) Hướng dẫn Bên B về những nội dung liên quan đến Dự án; Tạo điều kiện để Bên B được tiếp cận với công trình, thực địa.

c) Cung cấp các tài liệu cần thiết theo đề xuất của Bên B để Bên B thực hiện công việc tư vấn. Bên A chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp.

d) Xem xét yêu cầu, đề xuất của Bên B liên quan đến thực hiện công việc tư vấn và phê duyệt trong một khoảng thời gian hợp lý để không làm chậm tiến độ thực hiện tư vấn xây dựng.

đ) Thanh toán cho Bên B toàn bộ giá hợp đồng theo đúng các qui định được thoả thuận trong Hợp đồng này.

Điều 12. Nhân lực của Bên B

12.1. Nhân lực của Bên B phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn.

12.2. Bên B tổ chức thực hiện công việc theo tiến độ đã thỏa thuận. Giờ làm việc, làm việc ngoài giờ, thời gian làm việc, ngày nghỉ... thực hiện theo Bộ Luật Lao động. Bên B không được tính thêm chi phí làm ngoài giờ (giá hợp đồng đã bao gồm chi phí làm ngoài giờ).

Điều 13. Bảo hiểm

Bên B phải mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo qui định.

Điều 14. Rủi ro và bất khả kháng

14.1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện Hợp đồng. Các bên phải đánh giá các nguy cơ rủi ro.

14.2. Bất khả kháng là sự kiện rủi ro không thể chống đỡ nổi khi nó xảy ra như: Động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất hay hoạt động núi lửa, chiến tranh, dịch bệnh.

14.3. Các biện pháp thực hiện trong tình trạng bất khả kháng.

a) Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiến hành các biện pháp để hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng với thời gian sớm nhất và phải thông báo cho bên kia biết sự kiện bất khả kháng vào thời gian sớm nhất.

b) Các Bên sẽ thực hiện mọi biện pháp để giảm tối đa mức thiệt hại do sự kiện bất khả kháng gây ra.

c) Trong trường hợp xảy ra bất khả kháng, các Bên sẽ gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng tương ứng bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

d) Nếu trường hợp bất khả kháng xảy ra mà mọi nỗ lực của một Bên hoặc các Bên không đem lại kết quả và buộc phải chấm dứt công việc tại một thời điểm bất kỳ, một Bên sẽ gửi thông báo việc chấp dứt hợp đồng bằng văn bản cho Bên kia và việc chấm dứt sẽ có hiệu lực 7 ngày sau khi Bên kia nhận được thông báo.

14.4. Thanh toán khi xảy ra bất khả kháng.

Các khoản chi phí phát sinh hợp lý do Bên B phải chịu hậu quả bất khả kháng để phục hồi hoạt động được Bên A xem xét để thanh toán.

Điều 15. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

15.1. Tạm ngừng công việc bởi Bên A

Nếu Bên B không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Bên A có thể ra thông báo tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Bên B, Bên A phải nêu rõ phần lỗi của Bên B và yêu cầu Bên B phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên A do tạm ngừng công việc.

15.2. Tạm ngừng công việc bởi Bên B

a) Nếu Bên A không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thoả thuận trong Hợp đồng này quá 10 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Bên A, Bên B có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Bên A thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng, Bên B phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Bên B phải thông báo cho Bên A để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Bên A xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

15.3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong Hợp đồng thì một Bên phải thông báo cho Bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai Bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện Hợp đồng.

Điều 16.Chấm dứt hợp đồng

16.1. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A

a) Bên B không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Bên B không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 10 ngày mà Bên A có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A về sai sót đó.

b) Bên B không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 8 (Thời gian và tiến độ thực hiện Hợp đồng).

c)Chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Bên A.

d) Bên B bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản,

16.2. Chấm dứt hợp đồng bởi Bên B

a)Bên A không thanh toán cho Bên B theo Hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 18 (Khiếu nại và giải quyết tranh chấp) sau 30 ngày kể từ ngày Bên A nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

b) Bên A bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản.

16.3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các Bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

16.4. Khi một trong hai Bên chấm dứt Hợp đồng, thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Bên B sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư

vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

16.5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Nếu chấm dứt hợp đồng gởi bên A thì việc thanh toán thực hiện theo Điều 9 (Hình thức, giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán) cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác...), trường hợp chấm dứt hợp đồng bởi bên B thì bên B phải chịu toàn bộ chi phí cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực.

Điều 17.Thưởng, phạt và trách nhiệm do vi phạm Hợp đồng

a) Thưởng Hợp đồng: Không.

b) Phạt vi phạm Hợp đồng

Vi phạm về thời gian thực hiện Hợp đồng: Phạt 8 % giá trị hợp đồng bị vi phạm thời gian thực hiện hộp đồng, nếu hoàn toàn không thực hiện hợp đồng đã ký thì bị phạt đến mức 12% giá trị Hợp đồng.

Điều 18.Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

Nếu có phát sinh tranh chấp giữa các Bên liên quan đến Hợp đồng này hoặc bất cứ vấn đề gì phát sinh, các Bên phải lập tức tiến hành thương lượng để giải quyết vấn đề một cách hữu hảo. Nếu thương lượng không có kết quả thì các bên sẽ đệ trình vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam hoặc Tòa án nhân dân theo quy định của Pháp luật. Quyết định của Trọng tài hoặc Tòa án nhân dân là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các Bên.

Điều 19. Điều khoản chung

Các Bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của Hợp đồng.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký kết.

Hợp đồng này bao gồm 10 trang, và được lập thành 06 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 04 bản, Nhà thầu sẽ giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A	ĐẠI DIỆN BÊN B
Giám đốc	Giám đốc
Nguyễn Hữu Thành	Phạm Lê Nhân

CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG THIỆN NGUYỄN

65/22/14 Đường số 5, Kp6, P.Bình Hưng Hòa, Q.Bình Tân, Tp.HCM

Tel : 0374 686 988 Fax : 028 6266 1081

Website : ww.thiennguyendeco.vn Email : thiennguyendeco@gmail.com